

Số: 5430 /UBND - VX
V/v xây dựng và đăng ký kế hoạch
đầu tư công năm 2025

Bình Định, ngày 16 tháng 07 năm 2024

Kính gửi:

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài chính.

Căn cứ Chỉ thị số 17/CT-TTg ngày 22/5/2024 của Thủ tướng Chính phủ Chính phủ về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2025; Văn bản số 4488/BKHĐT-TH ngày 11/6/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc xây dựng kế hoạch đầu tư công năm 2025, UBND tỉnh Bình Định kính báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư dự kiến kế hoạch năm 2025 với các nội dung sau:

I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ NĂM 2024

1. Tình hình giao, kế hoạch đầu tư công năm 2024

Tổng kế hoạch vốn năm 2024 được Thủ tướng Chính phủ giao là 7.865.617 triệu đồng; HĐND tỉnh và UBND tỉnh giao là 9.467.649 triệu đồng (trong đó vốn kéo dài sang năm 2024 là 57.040 triệu đồng, vốn năm 2024 là 9.410.609 triệu đồng), bao gồm:

a) Vốn ngân sách tỉnh: 7.638.536 triệu đồng (trong đó, vốn kéo dài năm sang năm 2024 là 4.864 triệu đồng, vốn năm 2024 là 7.633.672 triệu đồng), như sau:

- Vốn Đầu tư trong cân đối ngân sách tỉnh: 7.413.536 triệu đồng (Vốn Đầu tư tập trung: 621.112 triệu đồng; nguồn thu tiền sử dụng đất: 6.373.424 triệu đồng; Xổ số kiến thiết: 140.000 triệu đồng; Bội chi ngân sách 279.000 triệu đồng).

- Nguồn tiền bán nhà thuộc sở hữu nhà nước: 35.000 triệu đồng.

- Nguồn vốn khác của ngân sách tỉnh: 190.000 triệu đồng.

b) Vốn ngân sách trung ương: 1.829.113 triệu đồng (trong đó vốn kéo dài sang năm 2024 là 52.176 triệu đồng, vốn năm 2024 là 1.776.937 triệu đồng), bao gồm:

- Vốn trung ương hỗ trợ theo mục tiêu: 1.251.760 triệu đồng.

- Các Chương trình mục tiêu quốc gia: 392.503 triệu đồng.

- Vốn ODA: 184.850 triệu đồng.

Toàn bộ kế hoạch vốn được HĐND tỉnh giao, UBND tỉnh đã có quyết định phân bổ và giao chi tiết đến các chủ đầu tư ngay từ quý I/2024 để triển khai thực hiện trong năm 2024.

2. Tình hình điều chỉnh kế hoạch vốn ngân sách trung ương

Trong 6 tháng đầu năm 2024, để đẩy nhanh tiến độ thực hiện, giải ngân kế hoạch vốn theo chỉ đạo của Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ, UBND tỉnh đã tiến hành điều chỉnh kế hoạch vốn ngân sách trung ương¹ 04 dự án (điều chỉnh giảm 10.000 triệu đồng từ dự án Tuyến đường kết nối từ đường phía Tây tỉnh (ĐT.638) đến đường ven biển (ĐT.639) trên địa bàn huyện Phù Mỹ để bổ sung cho dự án Tuyến đường kết nối từ trung tâm thị xã An Nhơn đến đường ven biển phía Tây đầm Thị Nại; điều chỉnh giảm 3.500 triệu đồng từ dự án Đập dâng Hà Thanh 1, huyện Vân Canh để bổ sung cho dự án Bảo đảm an toàn hồ chứa phía Nam huyện Phù Mỹ và huyện Phù Cát: hồ Hóc Mẫn, Hóc Xoài, Dốc Đá, Suối Sổ, Suối Chay).

3. Tình hình thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công 06 tháng đầu năm, khả năng thực hiện 09 tháng và ước thực hiện cả năm 2024 theo từng nguồn vốn

3.1. Tình hình thực hiện, giải ngân 6 tháng đầu năm 2024

Đến ngày 30/6/2024, tổng giá trị giải ngân kế hoạch năm 2024 là 3.263.847 triệu đồng, đạt 41,49% kế hoạch vốn Thủ tướng Chính phủ giao và đạt 34,47% kế hoạch vốn HĐND tỉnh giao, trong đó:

a) Vốn ngân sách địa phương: 2.696.418 triệu đồng/7.638.536 triệu đồng, đạt 35,3% kế hoạch vốn giao, bao gồm:

- Vốn Đầu tư trong cân đối ngân sách tỉnh: 2.676.405 triệu đồng/7.413.536 triệu đồng, đạt 36,1% kế hoạch vốn giao (Vốn ĐTTT: 354.987 triệu đồng/621.112 triệu đồng, đạt 57,15% kế hoạch vốn giao; nguồn thu tiền sử dụng đất: 2.164.722 triệu đồng/6.373.424 triệu đồng, đạt 33,96% kế hoạch vốn giao; Xổ số kiến thiết: 60.588 triệu đồng/140.000 triệu đồng, đạt 43,28% kế hoạch vốn giao; Bội chi ngân sách: 96.108 triệu đồng/279.000 triệu đồng, đạt 34,45% kế hoạch vốn giao).

- Nguồn tiền bán nhà thuộc sở hữu nhà nước: 2.213 triệu đồng/35.000 triệu đồng, đạt 6,32% kế hoạch vốn giao.

- Nguồn vốn khác của ngân sách tỉnh: 17.800 triệu đồng/190.000 triệu đồng, đạt 9,37% kế hoạch vốn giao.

b) Vốn ngân sách trung ương: 567.429 triệu đồng/1.829.113 triệu đồng, đạt 31,02% kế hoạch vốn giao, bao gồm:

- Vốn trung ương trong nước: 299.850 triệu đồng/1.251.760 triệu đồng, đạt 23,95% kế hoạch vốn giao.

- Các Chương trình mục tiêu quốc gia: 158.916 triệu đồng/392.503 triệu đồng, đạt 40,49% kế hoạch vốn giao.

- Vốn ODA: 108.663 triệu đồng/184.850 triệu đồng, đạt 58,78% kế hoạch vốn giao.

3.2. Ước thực hiện, giải ngân 9 tháng và cả năm 2024 theo từng nguồn vốn được giao

¹ Quyết định số 1163/QĐ-UBND ngày 04/4/2024 và Quyết định số 2040/QĐ-UBND ngày 07/6/2024 của UBND tỉnh

Dự kiến đến ngày 30/9/2024, giá trị giải ngân chung nguồn ngân sách tỉnh quản lý là 60,84% và phân đầu giải ngân 100% kế hoạch vốn đầu tư công do tỉnh quản lý trong năm 2024, trong đó:

- Vốn ngân sách tỉnh: Đến 30/9/2024, ước thực hiện giải ngân 60,03% kế hoạch và đến ngày 31/01/2025 giải ngân 100% kế hoạch được giao.

- Vốn ngân sách trung ương: Đến ngày 30/9/2024, ước thực hiện giải ngân 64,26% kế hoạch và đến 31/01/2025 giải ngân 100% kế hoạch được giao.

(Phụ lục số 01, 02, 03 đính kèm)

3.3. Tình hình thực hiện dự án kết nối, có tác động liên vùng có ý nghĩa thúc đẩy phát triển KTXH nhanh, bền vững

Trong quyết định giao kế hoạch vốn NSTW của tỉnh Bình Định có giao vốn cho 01 dự án kết nối, có tác động liên vùng có ý nghĩa thúc đẩy phát triển KTXH nhanh, bền vững là dự án Đường ven biển tỉnh Bình Định đoạn Cát Tiến - Diêm Vân. Dự án có tổng mức đầu tư là 2.674.650 triệu đồng, trong đó ngân sách Trung ương 1.800.000 triệu đồng, vốn ngân sách tỉnh 874.650 triệu đồng. Tình hình triển khai thực hiện dự án này trong 6 tháng đầu năm như sau:

a) Tình hình thực hiện công tác giải phóng mặt bằng và tái định cư

- **Về công tác kiểm kê và xác nhận nguồn gốc đất của các địa phương:** đã hoàn thành.

- **Về phê duyệt phương án BT GPMB:** 73 đợt (theo phương án thu hồi) và 27 đợt (theo phương án mượn tạm), với tổng số là: 1.575 hộ + 9 tổ chức /263,98tỷ (trong đó: phạm vi GPMB tuyến đường là 1.478hộ+7 tổ chức / 240,33tỷ; phạm vi GPMB 02 mở đất là 18hộ+02 tổ chức / 7,56tỷ; phạm vi GPMB 03 khu TĐC là 41hộ+02 tổ chức / 12,38tỷ và phạm vi GPMB 02 khu cải táng là 35hộ+01 tổ chức / 3,71tỷ).

- **Về công tác chi trả tiền:** Đã thực hiện chi trả 1.517hộ + 9 tổ chức /259,28tỷ (trong đó: phạm vi GPMB tuyến đường là 1.435hộ+7 tổ chức / 236,922tỷ; phạm vi GPMB 02 mở đất là 15hộ+02 tổ chức / 7,5tỷ; phạm vi GPMB 03 khu TĐC là 41hộ+02 tổ chức /12,18tỷ và phạm vi GPMB 02 khu cải táng là 26hộ / 3,193tỷ). Số còn lại chưa nhận tiền, tiếp tục vận động chi trả cho các đợt tiếp theo là: 3hộ / 0,89tỷ (phạm vi tuyến đường).

- **Về bàn giao mặt bằng và số lượng mồ mã đã bốc di dời cải táng nơi khác:** Cơ bản đã bàn giao mặt bằng toàn tuyến 13,58km / 13,58km; 2 mở đất, 3 khu tái định cư và 2 khu cải táng xã Phước Sơn và xã Phước Thuận đã bàn giao xong.

- **Về phương án xét giao đất tái định cư:** Đã phê duyệt 13 đợt: 52hộ/54lô, đã bàn giao 52hộ/54lô.

- **Về công tác xây dựng khu tái định cư:** Đầu tư xây dựng 03 khu tái định cư tại các xã Phước Thắng, Phước Hòa, Phước Thuận để phục vụ tái định cư cho dự án và hoàn trả quỹ đất tái định cư cho địa phương.

+ Hiện nay, đã thi công hoàn thành 02 khu tái định cư xã Phước Thắng, Phước Hòa. Đã bàn giao các lô đất ở cho UBND huyện Tuy Phước, Trung tâm

Phát triển Quỹ đất tỉnh để bố trí tái định cư cho dân và tổ chức đấu giá, tạo nguồn thu ngân sách tỉnh.

+ Đối với khu tái định cư xã Phước Thuận: Hiện nay, nhà thầu đang bóc phong hóa, hữu cơ, lấp đặt cống, san nền, đắp đất nền đường, thi công các cấu kiện đúc sẵn, tường chắn và thi công móng, lắp dựng cột điện.

- **Về công tác xây dựng khu cải táng mồ mả:** Xây dựng 02 khu cải táng mồ mả tại các xã Phước Sơn, xã Phước Thuận.

+ Đối với Khu cải táng xã Phước Sơn: Hiện nay, đã hoàn thành công tác di dời các mộ trên tuyến vào khu cải táng (đã bàn giao 06 khu, cải táng được 390m²/ tổng sức chứa 400 mộ).

+ Đối với Khu cải táng xã Phước Thuận: Hiện nay, Nhà thầu đang triển khai thi công đường vào, san lấp các ô cải táng.

- **Về công tác di dời hạ tầng kỹ thuật (điện, nước):**

+ Di dời điện: Đã thực hiện di dời được 8/9 vị trí đường dây 22kV, 9/10 vị trí đường dây hạ thế (0,4kV, 0,2 kV). Vị trí còn lại đã lắp móng, dựng cột và chờ lịch cắt điện để tiến hành sang dây.

+ Di dời đường ống nước sạch: Đã thực hiện việc di dời tạm để nhà thầu có mặt bằng triển khai thi công. Sau khi hoàn thành công tác xử lý nền đất yếu sẽ tiến hành di dời chính thức.

b) Tình hình thi công xây lắp

- Phần nền đường: Nhà thầu đã hoàn thành đắp đường công vụ dọc tuyến, cơ bản thi công hoàn thành đắp cát nền đường, cắm bậc thềm, đắp đất nền đường K95 và đắp bù lún được 12km/12km.

- Đối với các vị trí Cầu (9 cầu: cầu Phú Hậu, cầu Phước Thắng 1,2,3, cầu Phước Hòa, cầu Phước Sơn 1,2, cầu Phước Thuận và cầu Diêm Vân): đang triển khai thi công cọc khoan nhồi; bê thân trụ, đúc dầm cầu, ...; đang đúc các cấu kiện công thoát nước.

- Giá trị thực hiện đến nay: 1142,96/2035,5 tỷ đồng, đạt 56,15%.

4. Các giải pháp đã triển khai thực hiện để thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công năm 2024 theo chỉ đạo tại các Nghị quyết, Chỉ thị, Công điện của Thủ tướng Chính phủ:

Để hoàn thành kế hoạch năm 2024 được Thủ tướng Chính phủ, HĐND tỉnh giao, ngay từ đầu năm UBND tỉnh chỉ đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư có văn bản gửi các chủ đầu tư yêu cầu cam kết cụ thể từng mốc thời gian giải ngân để đảm bảo đến hết năm 2024 phải đạt mức thanh toán 100% kế hoạch vốn được giao. Đồng thời, Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành Chỉ thị số 02/CT-UBND ngày 09/01/2024 về đẩy mạnh giải ngân kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước do tỉnh quản lý năm 2024, trong đó xác định giải ngân vốn đầu tư công là một trong những nhiệm vụ chính trị trọng tâm của năm 2024, xác định vốn đầu tư công là vốn môi, đóng vai trò dẫn dắt, thu hút tối đa các nguồn lực của các thành phần kinh tế khác để phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội; nâng cao hiệu quả sử dụng vốn NSNN, không để xảy ra nợ đọng XDCB, tránh lãng phí trong đầu tư công, đặt chất

lượng công trình và hiệu quả đầu tư lên hàng đầu; do đó mục tiêu năm 2024 là phân đấu giải ngân đạt 100% tổng kế hoạch vốn đầu tư, trong đó đến hết quý II/2024 đạt trên 40%, hết quý III/2024 đạt trên 60%; đến hết quý IV/2024 đạt trên 90% và đến hết ngày 31/01/2025 phân đấu giải ngân 100% vốn đầu tư công kế hoạch vốn năm 2024; nâng cao chất lượng công tác lựa chọn tư vấn trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư, chuẩn bị dự án, thực hiện dự án đảm bảo tiến độ đi đôi với chất lượng,... kịp thời tháo gỡ khó khăn cho từng dự án; đảm bảo vật liệu xây dựng (đất, đá, cát,...) đáp ứng đầy đủ, kịp thời các dự án trọng điểm, dự án quan trọng có tính chất liên vùng.

Ngoài ra, UBND tỉnh tổ chức nhiều cuộc họp, hội nghị nghe các chủ đầu tư và các đơn vị liên quan báo cáo tình hình triển khai thực hiện các chương trình, dự án, qua đó đã tiếp tục ban hành các văn bản chỉ đạo điều hành phù hợp với tình hình cụ thể, kịp thời tháo gỡ các vướng mắc, khó khăn về thủ tục nhằm đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện dự án.

5. Tình hình huy động các nguồn vốn của các thành phần kinh tế khác phục vụ cho đầu tư phát triển, tình hình thực hiện các dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư

Hiện nay, Bình Định có 01 dự án PPP đang được triển khai là Cấp nước sạch trên địa bàn thị xã Hoài Nhơn theo hình thức đối tác công tư PPP (hợp đồng BOO), với các thông tin sau:

- Cấp quyết định chủ trương đầu tư: HĐND tỉnh Bình Định.
- Người quyết định đầu tư: Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định.
- Cơ quan chuẩn bị dự án, ký kết hợp đồng: UBND thị xã Hoài Nhơn.
- Địa điểm xây dựng: Thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định.
- Quy mô dự án: đã được được HĐND tỉnh Bình Định phê duyệt chủ trương đầu tư tại Nghị quyết số 62/NQ-HĐND ngày 27/7/2021 và UBND tỉnh phê duyệt dự án tại Quyết định số 298/QĐ-UBND ngày 01/02/2023 với các nội dung chính sau:
 - + Xây dựng 02 tuyến ống dẫn nước tự chảy từ ngoài sông vào trạm bơm cấp 1 bằng ống thép và HDPE DN600mm. Công suất khai thác nước mặt đảm bảo nhu cầu $Q = 16.500\text{m}^3 / \text{ngày}$, cao trình đầu tuyến -2,4m, cao trình cuối tuyến - 2.5m.
 - + Xây dựng trạm bơm công suất $16.500\text{m}^3 / \text{ngày.đêm}$
 - + Tường rào công nghệ, sân bê tông:
 - + Trồng cây xanh: Trồng cây tạo cảnh quan xung quanh trạm bơm nước thô
 - + Xây dựng nhà máy xử lý nước sạch công suất $16.500\text{m}^3 / \text{ngày.đêm}$
 - + Xây dựng trạm bơm tăng áp cách nhà máy xử lý nước 18km
 - + Xây dựng tuyến ống nước sạch có tổng chiều dài $L = 415.373\text{m}$, Sử dụng ống HDPE đối với các tuyến ống dọc đường và ống STK đối với các ống qua cầu, cống.
 - + Đồng hồ dịch vụ: Cung cấp 18.980 bộ đồng hồ nước DN15 bao gồm trung bình 3m ống và phụ kiện kèm theo

- Tổng mức đầu tư dự án: 337.065.482.000 đồng (Ba trăm ba mươi bảy tỷ, không trăm sáu mươi lăm triệu, bốn trăm tám mươi hai nghìn đồng)

- Vốn nhà nước trong dự án PPP:

Vốn nhà nước trong dự án Cấp nước sạch trên địa bàn thị xã Hoài Nhơn theo hình thức đối tác công tư PPP (hợp đồng BOO) thực hiện theo Nghị quyết số 62/NQHĐND ngày 27/7/2021 (Vốn ngân sách Nhà nước: Hỗ trợ 60% chi phí xây dựng và thiết bị, chiếm khoảng 47,29% tổng mức đầu tư; vốn nhà đầu tư thanh toán phần chi phí đầu tư còn lại, chiếm khoảng 52,71% tổng mức đầu tư để thực hiện dự án theo quy định).

- Loại hợp đồng dự án: Loại hợp đồng dự án thực hiện theo Nghị quyết số 62/NQ-HĐND ngày 27/7/2021 của HĐND tỉnh Bình Định: Hợp đồng Xây dựng - Sở hữu - Kinh doanh (Hợp đồng BOO).

- Thời gian thực hiện dự án: Thời gian thực hiện dự án được duyệt tại Nghị quyết số 62/NQ-HĐND ngày 27/7/2021 của HĐND tỉnh: Năm 2021- 2024.

Hiện nay, UBND tỉnh đã phê duyệt dự án theo hình thức đối tác công tư (Hợp đồng BOO) tại Quyết định số 298/QĐ-UBND ngày 01/02/2023 và Phê duyệt hình thức lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án theo hình thức đối tác công tư PPP (hợp đồng BOO) tại Quyết định số 1914/QĐ-UBND ngày 31/5/2023.

Đến nay, UBND thị xã Hoài Nhơn đã tổ chức lựa nhà đầu tư thực hiện dự án, tuy nhiên do xuất hiện các yếu tố phát sinh mới về thời gian thực hiện dự án, giá nước, tổng mức đầu tư dự án nên UBND thị xã Hoài Nhơn đề xuất tạm dừng dự án để xử lý các tình huống phát sinh trong quá trình lựa chọn Nhà đầu tư.

6. Đánh giá kết quả đạt được trong 06 tháng đầu năm 2024, tác động của kế hoạch đầu tư công đối với kết quả phát triển KTXH năm 2024; Đánh giá tính khả thi và dự kiến mức độ hoàn thành kế hoạch so với mục tiêu đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt cho cả năm 2024

Ngay từ đầu năm, thực hiện các Quyết định giao kế hoạch vốn của Thủ tướng Chính phủ và HĐND tỉnh, UBND tỉnh đã ban hành các Quyết định phân bổ và giao kế hoạch đầu tư công năm 2024 nguồn ngân sách Trung ương và ngân sách địa phương đến từng chủ đầu tư, tạo điều kiện cho các đơn vị, địa phương chủ động triển khai có hiệu quả hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản trên địa bàn. Tiếp tục đẩy mạnh huy động các nguồn vốn nhằm đáp ứng nhu cầu chi đầu tư phát triển, tập trung xây dựng hoàn thành các công trình trọng điểm của tỉnh.

Trong 6 tháng đầu năm, UBND tỉnh đã tổ chức nhiều Hội nghị về triển khai, chỉ đạo giải ngân vốn đầu tư công. Bên cạnh đó đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo, điều hành về công tác quản lý đầu tư xây dựng cơ bản, đôn đốc giải ngân vốn đầu tư công, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc về công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, đẩy nhanh tiến độ thi công các công trình trọng điểm trên địa bàn tỉnh. Bên cạnh đó, tỉnh đã tăng cường kiểm tra, đôn đốc khẩn trương hoàn tất thủ tục đầu tư các dự án, công trình mới theo quy định; tập trung chỉ đạo quyết liệt công tác giải phóng mặt bằng dự án đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông (đoạn qua địa bàn tỉnh); tiếp tục đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng và thi công các dự án, công trình trọng điểm đang triển khai trên địa bàn: Đường ven biển (đoạn Cát Tiến - Diêm Vân), đường

Điện Biên Phủ nối dài đến Khu đô thị Diêm Vân, các tuyến đường ngang kết nối Đông - Tây, các dự án tại Khu đô thị Khoa học và Giáo dục Quy Hòa, đập dâng Phú Phong và các công trình trên lĩnh vực văn hóa, lịch sử...

Đối với việc thực hiện các Chương trình Mục tiêu quốc gia, UBND tỉnh đã kịp thời ban hành các văn bản hướng dẫn thực hiện, chỉ đạo các cơ quan chủ trì chương trình mục tiêu quốc gia phối hợp với các đơn vị, địa phương trong công tác rà soát văn bản còn thiếu, kịp thời tập hợp các khó khăn, vướng mắc của các đơn vị, địa phương để đề xuất/kiến nghị các cấp có thẩm quyền tháo gỡ, đẩy nhanh tiến độ thực hiện các chương trình; đã thành lập bốn Tổ công tác liên ngành của tỉnh tiến hành kiểm tra, giám sát kết quả thực hiện và đôn đốc, hướng dẫn, tháo gỡ những tồn tại, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện nội dung các chương trình MTQG tại các địa phương thụ hưởng.

Tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công do tỉnh quản lý đến ngày 30/6/2024 đạt 34,47%. Trong đó, giải ngân vốn ngân sách địa phương đạt 35,3%; vốn trung ương trong nước 23,95%; vốn Chương trình Mục tiêu quốc gia đạt 40,49%; vốn nước ngoài (ODA) đạt 58,78% kế hoạch năm. Nhờ đó, Tổng sản phẩm địa phương (GRDP) 6 tháng đầu năm tăng 7,6% so với cùng kỳ (xếp thứ 19/63 tỉnh, thành phố cả nước; thứ 4/14 địa phương vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung bộ và thứ 01/5 tỉnh thuộc Tiểu vùng Trung Trung bộ), trong đó: Nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,58%; công nghiệp và xây dựng tăng 10,33% (riêng công nghiệp tăng 11,6%); dịch vụ tăng 8,16%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm tăng 8,43%.

7. Tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc trong việc thực hiện, giải ngân kế hoạch đầu tư công năm 2024

- Tiến độ thu tiền sử dụng đất của tỉnh đến ngày 30/6/2024 tuy cao hơn so với cùng kỳ², nhưng vẫn chưa đạt như yêu cầu đặt ra (đến ngày 30/6/2024 thu tiền sử dụng đất: 2.458.820 triệu đồng, đạt 40,23%, trong đó thu tiền sử dụng đất cấp tỉnh: 1.021.583 triệu đồng, đạt 28,38%; Thu tiền sử dụng đất cấp huyện: 1.437.237 triệu đồng, đạt 57,21%). Tuy UBND tỉnh đã chỉ đạo xử lý linh hoạt nguồn vốn này nhưng vẫn còn một số khối lượng xây dựng cơ bản hoàn thành chưa có nguồn để thanh toán phần nào cũng có ảnh hưởng đến tiến độ giải ngân chung theo kế hoạch.

- Nguồn thu tiền bán nhà thuộc sở hữu nhà nước tuy số tuyệt đối không lớn, nhưng tiến độ thu đạt thấp (8,57%), nên dẫn đến tỷ lệ giải ngân từ nguồn vốn này đạt thấp (mới đạt 8,57%).

- Công tác chuẩn bị đầu tư của một số đơn vị còn chậm trễ, vẫn còn tình trạng điều chỉnh chủ trương đầu tư, điều chỉnh dự án làm tăng tổng mức đầu tư.

- Một số dự án thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư còn chậm, nên chưa có mặt bằng sạch để giao đơn vị thi công triển khai thực hiện.

- Một số chủ đầu tư chưa kịp thời lập các hồ sơ, thủ tục thanh toán, dẫn đến

² Cùng kỳ (6 tháng đầu năm 2023): thu tiền sử dụng đất: 1.254.599 triệu đồng, đạt 22,81% trong đó thu tiền sử dụng đất cấp tỉnh: 294.295 triệu đồng, đạt 9,65%; Thu tiền sử dụng đất cấp huyện: 960.304 triệu đồng, đạt 39,20%.

giải ngân vốn thấp, mặc dù một số nguồn vốn đã có sẵn.

8. Các giải pháp, kiến nghị để tiếp tục triển khai có hiệu quả và thực hiện thành công kế hoạch kế hoạch đầu tư công trong những tháng cuối năm 2024

Để đảm bảo thực hiện hoàn thành kế hoạch đầu tư công năm 2024 và các năm tiếp theo của kỳ trung hạn 2021 - 2025, UBND tỉnh sẽ tiếp tục quán triệt các Nghị quyết của Trung ương, HĐND tỉnh và chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, TT. HĐND tỉnh về đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công; có quyết tâm cao hơn nữa, coi nhiệm vụ giải ngân vốn đầu tư công là nhiệm vụ chính trị trọng tâm, tập trung thực hiện một số giải pháp như sau:

- Ngay từ đầu năm, UBND tỉnh đã chỉ đạo rà soát, chuẩn bị đầy đủ quỹ đất để thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất (cả cấp tỉnh và cấp huyện) đảm bảo thực hiện hoàn thành chỉ tiêu thu do UBND tỉnh giao. UBND tỉnh đã chỉ đạo giao kế hoạch thu cụ thể, trong đó giao các đơn vị cấp Tỉnh phấn đấu thu là 6.959.613 triệu đồng³. Tuy nhiên, do điều kiện thị trường bất động sản phục hồi chậm, nên việc tổ chức đấu giá trong 6 tháng đầu năm tuy được tổ chức thường xuyên, nhưng khách hàng tham gia chưa nhiều dẫn đến nguồn thu đạt thấp (nhất là nguồn thu từ cấp tỉnh). Mặt khác, do vướng mắc trong công tác xác định giá đất, nên cũng làm cho công tác thu tiền sử dụng đất gặp nhiều khó khăn, ách tắc. Trước tình hình đó, UBND tỉnh đã xử lý linh hoạt nguồn lực ngân sách tỉnh để bảo đảm đáp ứng nguồn kinh phí cho công tác BT GPMB và thanh toán phần lớn khối lượng xây dựng cơ bản hoàn thành của các dự án, công trình. Trong 6 tháng cuối năm phải phấn đấu tăng thu từ nguồn sử dụng đất (bao gồm: đấu giá quyền sử dụng đất ở lô do nhà nước đầu tư và đất dự án đã lựa chọn được nhà đầu tư) để đảm bảo nhiệm vụ chi đầu tư công theo kế hoạch vốn năm 2024 đã được HĐND tỉnh thông qua.

- Tiếp tục chỉ đạo các cơ quan chuyên môn thực hiện các nội dung đẩy mạnh giải ngân theo Chỉ thị số 02/CT-UBND ngày 09/01/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh, cương quyết điều chỉnh giảm kế hoạch đối với các dự án giao đầu năm nhưng chưa hoàn thành thủ tục lựa chọn nhà thầu, dự án có tỷ lệ giải ngân chưa đạt theo tinh thần của Chỉ thị, báo cáo HĐND tỉnh điều chỉnh theo thẩm quyền.

- Bảo đảm tiến độ giải phóng mặt bằng, trong đó cần bám sát cơ sở, giải quyết triệt để, kịp thời khi phát sinh bất cập; nghiên cứu và có những giải pháp cụ thể, hữu hiệu để tháo gỡ khó khăn cho các dự án chậm thực hiện, đặc biệt là các dự án trọng điểm, quy mô lớn, có sức lan tỏa, tác động đối với phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Đẩy nhanh công tác thẩm định chuyên ngành đối với các dự án khởi công mới và các dự án điều chỉnh, trong đó gắn trách nhiệm người đứng đầu nếu để xảy ra chậm trễ.

³ Cụ thể: Quỹ đất lô và dự án đấu giá và đất tái định cư: Trung tâm PTQĐ 1.780.913 triệu đồng; Ban GPMB 350.000 triệu đồng; BQL KKT 734.000 triệu đồng, BQLDA Giao thông 52.000 triệu đồng; BQLDA NN&PTNT 184.000 triệu đồng; Quỹ đất dự án đã đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư, nay đang hoàn thành GPMB, giao đất và tính tiền đất: 3.858.700 triệu đồng, gồm: + Trong Khu kinh tế: 770.000 triệu đồng + Ngoài Khu kinh tế: 3.088.700 triệu đồng.

- Trên cơ sở tình hình giải ngân kế hoạch đầu tư năm 2024 của các chủ đầu tư, trong trường hợp cần thiết Sở Kế hoạch và Đầu tư sẽ trình UBND tỉnh lập tổ công tác cấp tỉnh thực hiện đôn đốc tình hình triển khai, giải ngân vốn đầu tư công của các đơn vị, địa phương để đẩy nhanh tiến độ giải ngân hoặc báo cáo HĐND tỉnh các nội dung cần điều chỉnh kế hoạch theo thẩm quyền.

- Tiếp tục phối hợp với các đơn vị liên quan kiểm tra công tác xử lý nợ xây dựng cơ bản trên địa bàn tỉnh, nhất là nợ xây dựng cơ bản ở cấp huyện xã, để kịp thời chấn chỉnh các đơn vị để phát sinh nợ XDCB.

- Đề cao vai trò, trách nhiệm người đứng đầu đơn vị; chịu trách nhiệm toàn diện trước Chủ tịch UBND tỉnh khi để xảy ra chậm trễ, không đạt mục tiêu giải ngân vốn đầu tư năm 2024 đã giao cho đơn vị mình thực hiện.

9. Đối với 03 Chương trình mục tiêu quốc gia

Để thực hiện có hiệu quả các CTMTQG trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2021-2025 và cụ thể hóa các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Trung ương, chỉ đạo của Tỉnh ủy, Nghị quyết của HĐND tỉnh về tổ chức triển khai thực hiện và quản lý các chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025 tại tỉnh, UBND tỉnh đã thành lập Ban Chỉ đạo các chương trình MTQG tỉnh Bình Định giai đoạn 2021-2025; ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo và thành lập các Tổ giúp việc của Ban Chỉ đạo chương trình MTQG tỉnh Bình Định giai đoạn 2021-2025.

Trên cơ sở các quy định về cơ chế quản lý, tổ chức, thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia theo Nghị định số 27/2022/NĐ-CP của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn của bộ, ngành trung ương, đến nay UBND tỉnh đã ban hành cơ bản đầy đủ các văn bản pháp lý để chỉ đạo điều hành, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh theo hướng dẫn của Trung ương, bao gồm 52 văn bản quy định chung cho quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, 28 văn bản hướng dẫn thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, 19 văn bản hướng dẫn thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững, 40 văn bản hướng dẫn thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới.

Được sự quan tâm, chỉ đạo quyết liệt của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh đã tạo điều kiện triển khai thống nhất từ cấp tỉnh đến cấp xã trên địa bàn, để hấp thu được nguồn vốn Trung ương hỗ trợ. Các cấp, ngành của tỉnh đã chủ động đề xuất, hướng dẫn, hỗ trợ, bố trí kinh phí đối ứng của địa phương, lồng ghép các chương trình, đề án và các chương trình được triển khai góp phần huy động được nhiều nguồn lực khác hơn nữa để thực hiện.

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp đã làm tốt công tác tuyên truyền, vận động nhân dân, hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo về các dự án, chính sách giảm nghèo bền vững trên địa bàn trong giai đoạn 2021-2025 để các tầng lớp nhân dân biết và thực hiện đầy đủ, đúng quy định về thực hiện dự án, chính sách giảm nghèo; phát động Phong trào thi đua “Vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau” giai đoạn 2021 - 2025 và huy động nguồn lực ngoài ngân sách chăm lo đời sống cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn.

Từ những nội dung đã triển khai nêu trên, kết quả thực hiện các Chương trình MTQG đã có những kết quả nhất định như:

- Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: Mục tiêu, chỉ tiêu giảm tỷ lệ hộ nghèo vùng đồng bào DTTS&MN từ 3% trở lên. Đến cuối năm 2023 có 11.670 hộ/42.847 người, chiếm khoảng 2,65% dân số toàn tỉnh, trong đó chủ yếu là 3 dân tộc Chăm, Bana, H'rê. Tỷ lệ hộ nghèo dân tộc thiểu số (so với số hộ đồng bào DTTS) cuối năm 2023 là 4.603 hộ, chiếm 39% so với cuối năm 2022 đã giảm được 1.688 hộ (năm 2022 có 6.291 hộ).

- Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững: Cơ bản việc thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu đề ra trong giai đoạn 2021-2025 đã được các cấp, các ngành và địa phương của tỉnh Bình Định ước thực hiện đến năm 2024 đạt theo kế hoạch đề ra, tỷ lệ giảm nghèo đa chiều (theo quy định mới) chung toàn tỉnh giảm trên 2%/năm (năm 2022 giảm 2,3%, năm 2023 giảm 2,89%, dự kiến năm 2024 là 2,26%), riêng huyện nghèo An Lão giảm từ 11-12%/năm (năm 2022 giảm 11,86%, năm 2023 giảm 13,72%, dự kiến năm 2024 giảm 12,52%) so với kết quả rà soát đầu kỳ; các chính sách, dự án giảm nghèo đã thực hiện kịp thời đầy đủ cho hộ nghèo, hộ cận nghèo về tín dụng ưu đãi, y tế, giáo dục, nhà ở, nước sinh hoạt, thông tin, việc làm, xuất khẩu lao động, tiền điện... cơ sở hạ tầng tại huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn thuộc huyện nghèo tiếp tục được đầu tư, hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng. Đã có 01 xã thuộc huyện nghèo về đích nông thôn mới, đang tiếp tục phấn đấu các xã còn lại về đích nông thôn mới trong thời gian đến, huyện nghèo An Lão phấn đấu thoát huyện nghèo giai đoạn 2022-2025 theo Quyết định số 880/QĐ-TTg ngày 22/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

- Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới: Đến ngày 30/6/2024, toàn tỉnh có 91/113 xã được UBND tỉnh công nhận đạt chuẩn nông thôn mới (đạt tỷ lệ 80,53%); 23/91 xã đạt chuẩn nông thôn mới được UBND tỉnh công nhận đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao (đạt tỷ lệ 25,27%); 01 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu; có 05 đơn vị cấp huyện được Thủ tướng Chính phủ công nhận đạt chuẩn/hoàn thành nhiệm vụ nông thôn mới (đạt tỷ lệ 45,45%). Số xã đạt dưới 15 tiêu chí: 19 xã. Tỷ lệ dân cư nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 100%; trong đó, tỷ lệ hộ dân cư sử dụng nước sạch từ công trình cấp nước tập trung đạt 35,2%.

II. LẬP KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025

1. Nguyên tắc bố trí vốn

Nguyên tắc bố trí vốn, thời gian bố trí vốn và điều kiện bố trí vốn kế hoạch đầu tư công năm 2025 đảm bảo tuân thủ theo quy định tại Điều 51, 52, 53 Luật Đầu tư công.

Tuân thủ thứ tự ưu tiên bố trí vốn theo quy định tại Luật Đầu tư công, Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08/7/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14/9/2020 của Thủ tướng Chính phủ về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư nguồn NSNN giai đoạn 2021-2025.

2. Dự kiến danh mục nhiệm vụ, dự án và bố trí kế hoạch đầu tư vốn NSNN năm 2025 cho từng nhiệm vụ, dự án

Tổng kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025, tỉnh đăng ký thực hiện là 7.039.695 triệu đồng, bao gồm:

2.1. Vốn ngân sách địa phương: 5.697.402 triệu đồng, bao gồm:

- Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức: 820.278 triệu đồng.
- Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất: 4.500.000 triệu đồng.
- Xổ số kiến thiết: 150.000 triệu đồng.
- Bội chi ngân sách địa phương: 227.124 triệu đồng.

2.2. Vốn ngân sách trung ương: 1.402.293 triệu đồng.

a) Vốn trung ương trong nước: 736.187 triệu đồng, bao gồm:

- Vốn ngân sách trung ương hỗ trợ có mục tiêu: 436.187 triệu đồng.
- Vốn dự phòng ngân sách trung ương năm 2022: 300.000 triệu đồng.

b) Vốn các Chương trình MTQG: 285.811 triệu đồng, bao gồm:

- Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bằng dân tộc thiểu số và miền núi: 130.421 triệu đồng.
- Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững: 47.490 triệu đồng.
- Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới: 107.900 triệu đồng.

2.3. Vốn nước ngoài (vốn ODA): 320.295 triệu đồng.

(Phụ lục số 05, 06, 07, 08 đính kèm)

Trên đây là nội dung báo cáo đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch đầu tư công năm 2024 và xây dựng Kế hoạch đầu tư công năm 2025, UBND tỉnh Bình Định kính báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính xem xét, tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở KHĐT, Tài chính;
- LĐ, CV VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KL

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục 05
TỔNG HỢP DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025
(Kèm theo Công văn số /UBND-TH ngày /7/2024 của UBND tỉnh Bình Định)

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch trung hạn 5 năm giai đoạn 2021 - 2025			Lũy kế vốn trung hạn 2021 - 2025 đã bố trí đến nay			Lũy kế vốn trung hạn 2021 - 2025 còn lại			Dự kiến kế hoạch năm 2025			Ghi chú
		Tổng số	Trong nước	Ngoài nước	Tổng số	Trong nước	Ngoài nước	Tổng số	Trong nước	Ngoài nước	Tổng số	Trong nước	Ngoài nước	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
	TỔNG SỐ	40.607.514	38.501.814	2.105.700	31.834.547	30.517.762	1.316.785	8.772.966	7.984.051	788.915	7.039.695	6.719.400	320.295	
A	VỐN ĐẦU TƯ TRONG CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	27.936.537	27.936.537		21.083.547	21.083.547		6.852.990	6.852.990		5.697.402	5.697.402		
	<i>Trong đó:</i>													
1	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức	3.141.300	3.141.300		2.321.022	2.321.022		820.278	820.278		820.278	820.278		
2	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	23.600.000	23.600.000		17.668.560	17.668.560		5.931.440	5.931.440		4.500.000	4.500.000		
3	Xổ số kiến thiết	662.737	662.737		567.602	567.602		95.135	95.135		150.000	150.000		
4	Bội chi ngân sách địa phương	532.500	532.500		526.363	526.363		6.137	6.137		227.124	227.124		
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	12.670.977	10.565.277	2.105.700	10.751.001	9.434.216	1.316.785	1.919.976	1.131.061	788.915	1.342.293	1.021.998	320.295	
I	Vốn trung ương trong nước	9.296.916	9.296.916		8.451.666	8.451.666		845.250	845.250		736.187	736.187		
1	Vốn ngân sách trung ương đã bố trí hết nhiệm vụ	4.736.916	4.736.916		4.687.853	4.687.853		49.063	49.063					
2	Vốn ngân sách trung ương tiếp tục bố trí	4.560.000	4.560.000		3.763.813	3.763.813		796.187	796.187		736.187	736.187		
-	<i>Vốn ngân sách trung ương hỗ trợ có mục tiêu</i>	<i>3.760.000</i>	<i>3.760.000</i>		<i>3.263.813</i>	<i>3.263.813</i>		<i>496.187</i>	<i>496.187</i>		<i>436.187</i>	<i>436.187</i>		
-	<i>Vốn dự phòng NSTW năm 2022</i>	<i>800.000</i>	<i>800.000</i>		<i>500.000</i>	<i>500.000</i>		<i>300.000</i>	<i>300.000</i>		<i>300.000</i>	<i>300.000</i>		
II	Các Chương trình MTQG	1.268.361	1.268.361		982.550	982.550		285.811	285.811		285.811	285.811		
1	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bằng dân tộc thiểu số và miền núi	462.105	462.105		331.684	331.684		130.421	130.421		130.421	130.421		
2	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	348.396	348.396		300.906	300.906		47.490	47.490		47.490	47.490		
3	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	457.860	457.860		349.960	349.960		107.900	107.900		107.900	107.900		
III	Vốn nước ngoài (ODA)	2.105.700		2.105.700	1.316.785		1.316.785	788.915	0	788.915	320.295		320.295	

Phụ lục 02

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN, GIẢI NGÂN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG TRONG NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Công văn số /UBND-VX ngày /7/2024 của UBND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			KH đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025		Kế hoạch vốn NSTW Đã bố trí vốn đến hết KH năm 2023		Kế hoạch 2024			Giải ngân vốn NSTW 2024			Ghi chú		
			Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSTW		Đến 30/6/2024		Dự kiến đến 30/9/2024	Dự kiến đến 31/01/2025
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW								Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17		
	TỔNG SỐ			9.151.409	5.580.000	7.791.785	5.580.000	3.807.858	3.602.053	1.919.615	1.251.760	-	299.850	792.297	1.251.760			
A	VỐN NSTW HỖ TRỢ CÓ MỤC TIÊU			7.902.409	4.710.000	6.542.785	4.710.000	3.728.454	3.535.553	1.366.115	748.260	-	299.639	488.797	748.260			
I	Danh mục dự án quan trọng quốc gia, các dự án cao tốc, các dự án trọng điểm, có sức lan tỏa cao, có ý nghĩa thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội			2.674.650	1.800.000	2.220.000	1.800.000	1.252.560	1.230.283	400.000	350.000	-	200.264	250.000	350.000			
	Các dự án chuyên tiếp			2.674.650	1.800.000	2.220.000	1.800.000	1.252.560	1.230.283	400.000	350.000	-	200.264	250.000	350.000			
1	Đường ven biển tỉnh Bình Định đoạn Cát Tiến - Diêm Văn	2021-2024	19/NQ-HĐND 15/6/2021; 3728/QĐ-UBND 08/9/2021	2.674.650	1.800.000	2.220.000	1.800.000	1.252.560	1.230.283	400.000	350.000		200.264	250.000	350.000			
II	Danh mục dự án khác			5.227.759	2.910.000	4.322.785	2.910.000	2.475.894	2.305.270	966.115	398.260	-	99.375	238.797	398.260			
	Các dự án chuyên tiếp			5.227.759	2.910.000	4.322.785	2.910.000	2.475.894	2.305.270	966.115	398.260	-	99.375	238.797	398.260			
1	Tuyến đường kết nối từ trung tâm thị xã An Nhơn đến đường ven biển phía Tây đầm Thị Nại	2022-2024	3/58/QĐ-UBND; 10/9/2021 2270/QĐ-UBND; 4/09/2022	1.043.639	680.000	998.995	680.000	633.741	604.000	145.000	45.000		12.356	30.000	45.000			
2	Tuyến đường kết nối từ đường phía Tây tỉnh (ĐT.638) đến đường ven biển (ĐT.639) trên địa bàn huyện Phù Mỹ	2022-2024	06/10/2021 3396/QĐ-UBND; 10/10/2022	818.593	400.000	655.000	400.000	410.980	385.237	154.763	14.763		14.763	14.763	14.763			
3	Xây dựng tuyến đường ven biển (ĐT.639) đoạn từ Quốc lộ 1D - Quốc lộ 19 mới	2021-2024	30/NQ-HĐND 02/7/2021; 2914/QĐ-UBND 08/9/2022	1.490.101	600.000	975.881	600.000	405.397	378.158	290.000	200.000		26.016	100.000	200.000			

TT	Danh mục dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			KH đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025		Kế hoạch vốn NSTW đã bố trí vốn đến hết KH năm 2023		Kế hoạch 2024			Giải ngân vốn NSTW 2024			Ghi chú		
			Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSTW		Đến 30/6/2024		Dự kiến đến 30/9/2024	Dự kiến đến 31/01/2025
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW								Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17		
4	Xây dựng tuyến đường tránh phía nam thị trấn Phú Phong	2021-2024	4825/QĐ-UBND; 03/12/2021 2787/QĐ-UBND; 27/7/2023	791.386	440.000	645.000	440.000	226.013	189.875	177.852	99.997		32.362	62.362	99.997			
5	Đập dâng Phú Phong, huyện Tây Sơn	2021-2024	5433/QĐ-UBND; 31/12/2020 1348/QĐ-UBND; 14/4/2021 4370/QĐ-UBND; 01/11/2021 3954/QĐ-	754.040	550.000	752.000	550.000	592.200	548.000	122.000	2.000		2.000	2.000	2.000			
6	Đập dâng Hà Thanh 1, huyện Văn Canh	2022-2025	1077/QĐ-UBND ngày 04/4/2022	220.000	170.000	178.370	170.000	155.672	148.672	17.828	17.828		3.781	11.000	17.828			
7	Bệnh viện đa khoa khu vực Bồng Sơn (phần mở rộng)	2021-2024	52/QĐ-UBND ngày 07/01/2022	110.000	70.000	117.539	70.000	51.891	51.328	58.672	18.672		8.097	18.672	18.672			
B	CHƯƠNG TRÌNH PHỤC HỒI VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI			78.000	70.000	78.000	70.000	66.500	66.500	3.500	3.500	-	211	3.500	3.500			
	Các dự án chuyển tiếp			78.000	70.000	78.000	70.000	66.500	66.500	3.500	3.500	-	211	3.500	3.500			
10	Bảo đảm an toàn hồ chứa phía Nam huyện Phù Mỹ và huyện Phù Cát (hồ Hóc Mẩn, Hóc Xoài, Dốc Đá, Suối Sỏ, Suối Chay)	2022-2024	2011/QĐ-UBND; 24/6/2022	78.000	70.000	78.000	70.000	66.500	66.500	3.500	3.500		211	3.500	3.500			
C	VỐN DỰ PHÒNG NSTW NĂM 2022			1.171.000	800.000	1.171.000	800.000	12.904	-	550.000	500.000	-	-	300.000	500.000			
	Các dự án chuyển tiếp			1.171.000	800.000	1.171.000	800.000	12.904	-	550.000	500.000	-	-	300.000	500.000			

TT	Danh mục dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			KH đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025		Kế hoạch vốn NSTW Đã bố trí vốn đến hết KH năm 2023		Kế hoạch 2024			Giải ngân vốn NSTW 2024			Ghi chú
			Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSTW		Đến 30/6/2024	Dự kiến đến 30/9/2024	Dự kiến đến 31/01/2025	
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW						Tổng số	<i>Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước</i>				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
10	Tuyến đường kết nối từ Quốc lộ 19 đến Khu Công nghiệp, Đô thị và Dịch vụ Becamex VSIP Bình Định	2021-2025	3885/QĐ-UBND; 23/11/2022	1.171.000	800.000	1.171.000	800.000	12.904		550.000	500.000		-	300.000	500.000	

Phụ lục 06

DANH MỤC ĐỀ NGHỊ BỐ TRÍ KẾ HOẠCH NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG TRONG NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Công văn số /UBND-VX ngày /7/2024 của UBND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			KH đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025		Kế hoạch vốn đã bố trí vốn đến hết KH năm 2024		Nhu cầu kế hoạch vốn NSTW năm 2025	Ghi chú
			Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	TỔNG SỐ					12.873.882	9.296.916	10.534.665	8.451.666	736.187	1.716.100
A	DỰ ÁN ĐÃ BỐ TRÍ DỨT ĐIỂM VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2021 - 2025					6.590.636	4.736.916	6.268.698	4.687.853		
I	Bố trí để thu hồi ứng					1.970.716	1.970.716	1.970.716	1.970.716		
II	Kinh phí trung ương hỗ trợ khắc phục khẩn cấp hậu quả thiên tai năm 2021					150.000	150.000	150.000	150.000		
III	Chương trình phục hồi và phát triển Kinh tế - Xã hội					353.000	353.000	353.000	353.000		
II	Bố trí cho dự án					4.116.920	2.263.200	3.794.982	2.214.137		
1	Tổ hợp Không gian khoa học bao gồm Nhà mô hình vũ trụ, Đài quan sát thiên văn phổ thông và Bảo tàng khoa học	2015-2023	3052a/QĐ-UBND, 30/10/2014 268/QĐ-UBND; 24/1/2022 146/QĐ	171.102	160.000	32.000	32.000	30.261	30.261		
2	Khu khám phá khoa học và Trạm quan sát thiên văn phổ thông thuộc Tổ hợp không gian khoa học	2016-2023	231/QĐ-UBND, 06/7/2016 4628/QĐ-UBND, 19/11/2021	115.611	95.000	79.983	75.000	79.921	74.939		

TT	Danh mục dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			KH đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025		Kế hoạch vốn đã bố trí vốn đến hết KH năm 2024		Nhu cầu kế hoạch vốn NSTW năm 2025	Ghi chú
			Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
3	Dự án bảo vệ và phát triển rừng PH Hoài Nhơn; Hoài Ân; Vĩnh Thạnh; Vân Canh; Phù Mỹ; Phù Cát; An Toàn; An Lão; Tây Sơn; ngập mặn	2016-2021	2489;2490;2491; 2492;2493;2494; 2495;2496;2497 498- 01/1/2011; 2790-9/1/2012	251.478	99.203	5.000	5.000	3.932	3.932		
4	Dự án Quốc lộ 19, đoạn từ cảng Quy Nhơn đến nút giao Quốc lộ 1: Hỗ trợ giải phóng mặt bằng	2012-2021	90/QĐ-UBND ngày 08/01/2020; 5054/QĐ-UBND ngày 31/12/2019	4.410.816	3.087.571	348.200	348.200	315.542	315.542		
5	Đường phía Tây tỉnh (ĐT.639B) (HM: Km130+00 – Km 137+580)	2016-2020	3048/QĐ-UBND, 30/10/2014; 5022/QĐ-UBND	613.000	430.833	17.210	10.000	15.207	9.480		
6	Đường trục KKT nối dài (giai đoạn 1) - Hợp phần 1	2016-2020	797/QĐ-UBND ngày 16/3/2016	474.904	384.904	66.866	50.000	52.349	36.983		
7	Đường ven biển (ĐT.639), đoạn Cát Tiến - Đề Gi	2017-2020	458/QĐ-UBND ngày 17/02/2020	1.261.351	207.679	639.617	33.000	611.296	33.000		
8	Dự án Đầu tư nâng cấp tuyến đường ven biển đi qua tỉnh Bình Định (đoạn Đề Gi - Mỹ Thành; đoạn cầu Lại Giang đến cầu Thiện Chánh)	2017-2020	457/QĐ-UBND ngày 17/02/2020	1.047.642	476.500	576.578	160.000	573.626	160.000		
9	Tuyến đường kết nối với đường ven biển (ĐT.639) trên địa bàn thị xã Hoài Nhơn	2021-2023	3547/QĐ-UBND ngày 26/8/2021	113.000	80.000	665.927	400.000	564.273	400.000		
10	Tuyến đường kết nối từ đường phía Tây tỉnh (ĐT.638) đến đường ven biển (ĐT.639) trên địa bàn huyện Phù Mỹ	2022-2024	4093/QĐ-UBND; 06/10/2021	700.515	400.000	655.000	400.000	565.743	400.000		

TT	Danh mục dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			KH đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025		Kế hoạch vốn đã bố trí vốn đến hết KH năm 2024		Nhu cầu kế hoạch vốn NSTW năm 2025	Ghi chú
			Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
11	Đập dâng Phú Phong, huyện Tây Sơn	2021-2024	5433/QĐ-UBND ngày 31/12/2020; 1747/QĐ-UBND	754.040	550.000	752.000	550.000	714.200	550.000		
12	Xây dựng cơ sở hạ tầng cảng cá Tam Quan, thị xã Hoài Nhơn	2021-2023	3547/QĐ-UBND ngày 26/8/2021	113.000	80.000	93.000	80.000	90.900	80.000		
13	Bệnh viện đa khoa khu vực Bồng Sơn (phần mở rộng)	2021-2025	1586/QĐ-UBND ngày 12/5/2023	130.615	70.000	117.539	70.000	110.563	70.000		
14	Đầu tư, xây dựng các Trường THPT được di chuyển, sắp xếp lại theo quy hoạch giai đoạn 2021-2025 (HM: Trường THPT Nguyễn Hữu Quang, Trường THPT Phan Bội Châu)	2022-2023	51/QĐ-UBND ngày 07/01/2022 và QĐ và 3952/QĐ-UBND ngày 28/11/2022	68.000	50.000	68.000	50.000	67.170	50.000		
B	DỰ ÁN TIẾP TỤC BỐ TRÍ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2021 - 2025					6.283.246	4.560.000	4.265.967	3.763.813	736.187	
I	VỐN NSTW HỖ TRỢ CÓ MỤC TIÊU					5.112.246	3.760.000	3.704.063	3.263.813	436.187	
1	Danh mục dự án quan trọng quốc gia, các dự án cao tốc, các dự án trọng điểm, có sức lan tỏa cao, có ý nghĩa thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội					2.220.000	1.800.000	1.652.560	1.580.283	219.717	
	Dự án chuyển tiếp					2.220.000	1.800.000	1.652.560	1.580.283	219.717	

TT	Danh mục dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			KH đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025		Kế hoạch vốn đã bố trí vốn đến hết KH năm 2024		Nhu cầu kế hoạch vốn NSTW năm 2025	Ghi chú
			Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
1	Đường ven biển tỉnh Bình Định đoạn Cát Tiến - Diêm Vân	2021-2024	19/NQ-HĐND 15/6/2021; 3728/QĐ-UBND 08/9/2021	2.674.650	1.800.000	2.220.000	1.800.000	1.652.560	1.580.283	219.717	
2	Danh mục dự án khác					2.892.246	1.960.000	2.051.503	1.683.530	216.470	
	Các dự án chuyển tiếp					2.798.246	1.890.000	2.051.503	1.683.530	206.470	
1	Tuyến đường kết nối từ trung tâm thị xã An Nhơn đến đường ven biển phía Tây đầm Thị Nại	2022-2024	3758/QĐ-UBND; 10/9/2021 2270/QĐ-UBND; 22/6/2023	1.043.639	680.000	998.995	680.000	778.741	649.000	31.000	
2	Xây dựng tuyến đường ven biển (ĐT.639) đoạn từ Quốc lộ 1D - Quốc lộ 19 mới	2021-2024	30/NQ-HĐND 02/7/2021; 2914/QĐ-UBND 08/9/2022	1.490.101	600.000	975.881	600.000	695.397	578.158	21.842	
3	Xây dựng tuyến đường tránh phía nam thị trấn Phú Phong	2021-2024	4825/QĐ-UBND; 03/12/2021 2787/QĐ-UBND; 27/7/2023	791.386	440.000	645.000	440.000	403.865	289.872	150.128	
4	Đập dâng Hà Thanh 1, huyện Vân Canh	2022-2025	1077/QĐ-UBND ngày 04/4/2022	220.000	170.000	178.370	170.000	173.500	166.500	3.500	

TT	Danh mục dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			KH đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025		Kế hoạch vốn đã bố trí vốn đến hết KH năm 2024		Nhu cầu kế hoạch vốn NSTW năm 2025	Ghi chú
			Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	Dự án khởi công mới chưa phê duyệt dự án					94.000	70.000	-	-	10.000	
1	Tu bổ, tôn tạo di tích kiến trúc nghệ thuật quốc gia đặc biệt Tháp Chăm Dương Long	2022-2025	64/NQ-HĐND; 10/12/2022	93.996	70.000	94.000	70.000			10.000	
II	Vốn dự phòng NSTW năm 2022					1.171.000	800.000	561.904	500.000	300.000	
	Dự án chuyển tiếp					1.171.000	800.000	561.904	500.000	300.000	
1	Xây dựng Tuyến đường nối từ Quốc lộ 19 đến Khu Công nghiệp, Đô thị và Dịch vụ Becamex VSIP Bình Định kết nối với Cảng Quy Nhơn	2021-2025	3885/QĐ-UBND; 23/11/2022	1.171.000	800.000	1.171.000	800.000	561.904	500.000	300.000	

Phụ lục 01

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN, GIẢI NGÂN CHUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG
VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 6 THÁNG ĐẦU NĂM, ƯỚC THỰC HIỆN 9 THÁNG VÀ CẢ NĂM 2024

(Kèm theo Công văn số /UBND-VX ngày /7/2024 của UBND tỉnh)

ĐVT: triệu đồng

STT	Tên nguồn	Σ Kế hoạch 2024	Bao gồm:		Thực hiện Kế hoạch từ ngày 01/01/2024 đến 30/6/2024			Ước thực hiện Kế hoạch từ ngày 01/01/2024 đến 30/9/2024				Ước thực hiện Kế hoạch từ ngày 01/01/2024 đến 31/01/2025				Ghi chú	
			Kéo dài	Kế hoạch 2024	Σ Giải ngân	Kéo dài	Kế hoạch 2024	Tỷ lệ (%)	Σ Giải ngân	Kéo dài	Kế hoạch 2024	Tỷ lệ (%)	Σ Giải ngân	Kéo dài	Kế hoạch 2024		Tỷ lệ (%)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
	TỔNG SỐ	9.467.649	57.040	9.410.609	3.263.847	33.673	3.230.174	34,47	5.760.424	57.040	5.703.384	60,84	9.467.649	57.040	9.410.609	100,00	
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	7.638.536	4.864	7.633.672	2.696.418	1.729	2.694.689	35,30	4.585.067	4.864	4.580.203	60,03	7.638.536	4.864	7.633.672	100,00	
I	Cân đối ngân sách địa phương	7.413.536	4.864	7.408.672	2.676.405	1.729	2.674.676	36,10	4.450.067	4.864	4.445.203	60,03	7.413.536	4.864	7.408.672	100,00	
1	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức	621.112	290	620.822	354.987	39	354.948	57,15	372.783	290	372.493	60,02	621.112	290	620.822	100,00	
2	Nguồn thu tiền sử dụng đất	6.373.424	4.574	6.368.850	2.164.722	1.690	2.163.032	33,96	3.825.884	4.574	3.821.310	60,03	6.373.424	4.574	6.368.850	100,00	
3	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	140.000		140.000	60.588		60.588	43,28	84.000	0	84.000	60,00	140.000	0	140.000	100,00	
4	Bội chi ngân sách	279.000		279.000	96.108		96.108	34,45	167.400	0	167.400	60,00	279.000	0	279.000	100,00	
II	Nguồn tiền bán nhà thuộc sở hữu nhà nước	35.000		35.000	2.213		2.213	6,32	21.000	0	21.000	60,00	35.000	0	35.000	100,00	
III	Nguồn vốn khác của ngân sách tỉnh	190.000		190.000	17.800		17.800	9,37	114.000	0	114.000	60,00	190.000	0	190.000	100,00	
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	1.829.113	52.176	1.776.937	567.429	31.944	535.485	31,02	1.175.357	52.176	1.123.181	64,26	1.829.113	52.176	1.776.937	100,00	
I	Vốn trung ương trong nước	1.251.760		1.251.760	299.850		299.850	23,95	792.297		792.297	63,29	1.251.760	0	1.251.760	100,00	
1	Vốn NSTW hỗ trợ có mục tiêu	748.260		748.260	299.639		299.639	40,04	488.797		488.797	65,32	748.260		748.260	100,00	
2	Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế xã hội	3.500		3.500	211		211	6,03	3.500		3.500	100,00	3.500		3.500	100,00	
3	Vốn dự phòng NSTW năm 2022	500.000		500.000	0		0	0,00	300.000		300.000	60,00	500.000		500.000	100,00	
II	Các chương trình mục tiêu quốc gia	392.503	52.176	340.327	158.916	31.944	126.972	40,49	246.611	52.176	194.435	62,83	392.503	52.176	340.327	100,00	
1	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	145.199	10.325	134.874	57.604	831	56.773	39,67	91.249	10.325	80.924	62,84	145.199	10.325	134.874	100,00	
2	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	137.949	40.336	97.613	42.382	31.113	11.269	30,72	89.143	40.336	48.807	64,62	137.949	40.336	97.613	100,00	
3	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	109.355	1.515	107.840	58.930	0	58.930	53,89	66.219	1.515	64.704	60,55	109.355	1.515	107.840	100,00	
III	Vốn nước ngoài (ODA)	184.850		184.850	108.663		108.663	58,78	136.449	0	136.449	73,82	184.850	0	184.850	100,00	

Phụ lục 08

DANH MỤC ĐỀ NGHỊ BỔ TRÍ KẾ HOẠCH VỐN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA NĂM 2025

(Biểu mẫu kèm theo văn bản số /UBND-VX ngày /7/2024 của UBND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Dự án thành phần/ nội dung hoạt động	Kế hoạch nguồn vốn giai đoạn 2021-2025 được cấp có thẩm quyền giao, thông báo							Lũy kế vốn đã bố trí năm 2021-2024						Dự kiến nhu cầu năm 2025					Ghi chú		
		Trong đó:							Trong đó:						Tổng nhu cầu							
		Tổng cộng	KHĐTC nguồn NSNN			Thông báo vốn SN			Tổng cộng	NSNN						Tổng cộng	NSNN					
			NSTW			NSDP	NSTW	NSDP		NSTW			NSDP				NSTW				NSDP	
			Tổng	Trong đó:						ĐTPT	SN	ĐTPT	SN	ĐTPT	SN		ĐTPT	SN				
Trong nước	Ngoài nước			Trong nước	Ngoài nước														Trong nước	Ngoài nước		
3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22			
	TỔNG CỘNG	1.644.093	810.501	1.268.361	0	208.395	143.083	24.254	2.136.661	982.550	0	768.841	286.288	98.982	773.191	285.811	0	288.451	151.198	47.732		
I	CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIẾU SỐ VÀ MIỀN NÚI	462.105	462.105	462.105	0	0	0	0							294.099	130.421	0	125.316	19.563	18.799		
1	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt	13.985	13.985	13.985											4.964	603,00		3714	90,45	557		
2	Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết	77.317	77.317	77.317											25.310	21.762,50		246	3264,375	37		
3	Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị	0	0	0	0	0	0	0							75.211	0	0	65.399	0	9.812		
	<i>Tiểu dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân</i>														47.260			41096		6164		
	<i>Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng được liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư</i>														27.951			24303		3648		
4	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc	255.954	255.954	255.954	0	0	0	0							89.255	69.115	0	8.498	10.367	1.275		
	<i>Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN</i>	255.954	255.954	255.954											89.255	69.114,50		8498	10367,175	1275		
5	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực	63.332	63.332	63.332	0	0	0	0							43.047	16.290	0	21.142	2.443	3.172		

TT	Dự án thành phần/ nội dung hoạt động	Kế hoạch nguồn vốn giai đoạn 2021-2025 được cấp có thẩm quyền giao, thông báo							Lũy kế vốn đã bố trí năm 2021-2024					Dự kiến nhu cầu năm 2025					Ghi chú		
		Trong đó:							Trong đó:					Trong đó:							
		KHĐTC nguồn NSNN			Thông báo vốn SN				NSNN					NSNN							
		NSTW		NSDP	NSTW	NSDP	NSTW		NSDP			NSTW		NSDP							
		Tổng	Trong đó:				ĐTPT	SN	ĐTPT	SN	ĐTPT	SN	ĐTPT	SN							
	Trong nước	Ngoài nước				Trong nước	Ngoài nước	Trong nước			Trong nước	Ngoài nước	Trong nước	ĐTPT	SN						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
	<i>Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú (PTDNTI), trường phổ thông dân tộc bán trú (PTDTBT), trường phổ thông có học sinh ở bán trú (trường phổ thông có HSBT) và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào DTTS</i>	63.332	63.332	63.332											23.601	16.289,70		4233	2443,455	635	
	<i>Tiểu dự án 2: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc; đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng đồng bào DTTS&MN</i>	0	0												4.282			3724		558	
	<i>Tiểu dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng DTTS&MN</i>	0	0												8.568			7450		1118	
	<i>Tiểu dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp</i>	0	0												6.596			5735		861	
6	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch	37.865	37.865	37.865											22.191	13.288,30		6008	1993,245	901	
7	Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em	0	0												5.894			5126		768	
8	Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em	0	0												8.947			7780		1167	
9	Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn	0	0	0	0	0	0	0							3.282	0	0	2.854	0	428	
	<i>Tiểu dự án 1: Đầu tư phát triển kinh tế - xã hội các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù</i>	0	0												0						
	<i>Tiểu dự án 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào DTTS&MN</i>	0	0												3.282			2854		428	

TT	Dự án thành phần/ nội dung hoạt động	Kế hoạch nguồn vốn giai đoạn 2021-2025 được cấp có thẩm quyền giao, thông báo							Lũy kế vốn đã bố trí năm 2021-2024					Dự kiến nhu cầu năm 2025					Ghi chú		
		Trong đó:							Trong đó:					Trong đó:							
		KHĐTC nguồn NSNN			Thông báo vốn SN				NSNN					NSNN							
		NSTW		NSDP	NSTW	NSDP	NSTW		NSDP			NSTW		NSDP							
		Tổng	Trong đó:				ĐTPT	SN	ĐTPT	SN	ĐTPT	SN	ĐTPT	SN							
	Trong nước	Ngoài nước				Trong nước	Ngoài nước	Trong nước	ĐTPT	SN	Trong nước	Ngoài nước	Trong nước	ĐTPT	SN						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
10	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình	13.652	13.652	13.652	0	0	0	0							15.998	9.363	0	4.549	1.404	682	
	<i>Tiểu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS & MN giai đoạn 2021-2030</i>	0	0												3.454			3003		451	
2	<i>Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào DTTS&MN</i>	13.652	13.652	13652											10.767	9.363,00			1404,45		
3	<i>Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình</i>	0	0												1.777			1546		231	
II	CHƯƠNG TRÌNH MTQG GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG	348.396	348.396	348.396	0	0	0	0							203.682	47.490	0	129.625	7.124	19.444	
1	Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội huyện nghèo	263.307	263.307	263.307	0	0	0	0							41.713	29.800	0	6.472	4.470	971	
	<i>Tiểu dự án 1. Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng KTXH tại huyện nghèo An Lão</i>	179.141	179.141	179.141											32.388	21.691,50		6472	3253,725	970,8	
	<i>Tiểu dự án 2. Đề án hỗ trợ 1 số huyện nghèo thoát khỏi tình trạng nghèo</i>	84.166	84.166	84.166											9.325	8.108,50			1216,275	0	
2	Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo	0	0												42.451			36914		5537,1	
3	Dự án 3. Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng	0	0	0	0	0	0	0							24.174	0	0	21.021	0	3.153	
	<i>Tiểu dự án 1. Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp</i>	0	0												17.493			15211		2281,65	

TT	Dự án thành phần/ nội dung hoạt động	Kế hoạch nguồn vốn giai đoạn 2021-2025 được cấp có thẩm quyền giao, thông báo							Lũy kế vốn đã bố trí năm 2021-2024					Dự kiến nhu cầu năm 2025					Ghi chú				
		Trong đó:							Trong đó:					Trong đó:									
		Tổng cộng	KHĐTC nguồn NSNN			Thông báo vốn SN			Tổng cộng	NSNN			Tổng cộng	NSNN			Tổng cộng	NSTW			NSDP		
			NSTW		NSDP	NSTW	NSDP	NSTW		NSDP	NSTW			NSDP	NSTW			NSDP					
			Tổng	Trong đó:				ĐTPT			SN	ĐTPT			SN	ĐTPT				SN			
Trong nước	Ngoài nước			Trong nước	Ngoài nước	Trong nước	Ngoài nước			Trong nước				Ngoài nước									
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22		
	<i>Tiểu dự án 2. Cải thiện dinh dưỡng</i>	0	0												6.682			5810		871,5			
4	Dự án 4. Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững	85.089	85.089	85.089	0	0	0	0							67.565	17.690	0	41.062	2.654	6.159			
	<i>Tiểu dự án 1. Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn</i>	72.452	72.452	72.452											51.854	13.524,00		31566	2028,6	4734,9			
	<i>Tiểu dự án 2: Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng</i>	0	0												836			727		109,05			
	<i>Tiểu dự án 3. Hỗ trợ việc làm bền vững</i>	12.637	12.637	12.637											14.875	4.166,00		8769	624,9	1315,35			
5	Dự án 5. Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo	0	0												6.112			5315		797,25			
6	Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin	0	0	0	0	0	0	0							10.368	0	0	9.016	0	1.352			
	<i>Tiểu dự án 1: Giảm nghèo về thông tin</i>	0	0												7.664			6664		999,6			
	<i>Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều</i>	0	0												2.705			2352		352,8			
7	Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình	0	0	0	0	0	0	0							11.299	0	0	9.825	0	1.474			
	<i>Tiểu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình</i>	0	0												7.727			6719		1007,85			
	<i>Tiểu dự án 2: Giám sát, đánh giá</i>	0	0												3.572			3106		465,9			
III	CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI	833.592		457.860		208.395	143.083	24.254							275.410	107.900		33.510	124.511	9.489			

Phụ lục 04

**KẾT QUẢ XÂY DỰNG VĂN BẢN QUẢN LÝ, TỔ CHỨC THỰC HIỆN
CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA ĐẾN NĂM 2024**

(Kèm theo Công văn số /UBND-VX ngày /7/2024 của UBND tỉnh)

STT	Tên loại văn bản	Số ký hiệu
1	2	3
A	VĂN BẢN QUY ĐỊNH CHUNG CHO QUẢN LÝ, TỔ CHỨC THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA	
1	Quy định phân cấp quản lý, tổ chức thực hiện dự án đầu tư thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Định	74/2022/QĐ-UBND ngày 06/12/2022
2	Ban hành Quy định cơ chế huy động nguồn lực và lồng ghép nguồn vốn giữa các chương trình mục tiêu quốc gia, giữa các chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình, dự án khác trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2021-2025	64/2022/QĐ-UBND ngày 21/09/2022
3	Ban hành danh mục loại dự án đầu tư xây dựng được áp dụng cơ chế đặc thù thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2021-2025	627/2022/QĐ-UBND ngày 03/03/2023
4	Quy định chi phí hỗ trợ chuẩn bị đầu tư, quản lý dự án đối với các dự án đầu tư xây dựng theo cơ chế đặc thù thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Bình Định, giai đoạn 2021 -2025	11/2023/QĐ-UBND ngày 28/03/2023
5	Ban hành bổ sung danh mục loại dự án đầu tư xây dựng được áp dụng cơ chế đặc thù thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2021-2025	2242/QĐ-UBND ngày 20/06/2023
6	Ban hành Quy định chính sách hỗ trợ kiên cố hóa kênh mương, kênh mương nội đồng giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Định	85/2020/QĐ-UBND ngày 18/12/2020
7	Về việc ban hành thiết kế mẫu mặt đường bê tông xi măng để thực hiện Chương trình bê tông hóa giao thông nông thôn, giai đoạn 2021 -2025 trên địa bàn tỉnh	1377/QĐ-UBND ngày 15/04/2021
8	Ban hành thiết kế mẫu đối với các công trình: Nhà văn hóa thôn, làng (quy mô 01 tầng), Trường mầm non, mẫu giáo (quy mô 01 tầng) thực hiện theo cơ chế đặc thù thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Định	2653/QĐ-UBND ngày 19/07/2023
9	Ban hành Quy định nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Bình Định, giai đoạn 2021-2025	13/2023/QĐ-UBND ngày 07/04/2023
10	Ban hành Quy định về cơ chế quay vòng một phần vốn hỗ trợ bằng tiền mặt hoặc hiện vật để luân chuyển trong cộng đồng theo từng dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Định	92/2022/QĐ-UBND ngày 29/12/2022
11	Ban hành Quy định việc quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước giao cho cộng đồng tự thực hiện xây dựng công trình theo định mức hỗ trợ (bằng hiện vật hoặc bằng tiền) thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Bình Định	02/2023/QĐ-UBND ngày 06/01/2023
12	Ban hành danh mục loại dự án đầu tư xây dựng được áp dụng cơ chế đặc thù thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2021-2025	627/QĐ-UBND ngày 03/3/2023

STT	Tên loại văn bản	Số ký hiệu
1	2	3
13	Quy định chi phí hỗ trợ chuẩn bị đầu tư, quản lý dự án đối với các dự án đầu tư xây dựng theo cơ chế đặc thù thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Bình Định, giai đoạn 2021 -2025	11/2023/QĐ-UBND ngày 28/3/2023
14	Ban hành Quy định nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Bình Định, giai đoạn 2021-2025	13/2023/QĐ-UBND ngày 7/4/2023
15	V/v triển khai Nghị quyết số 15/NQHĐND ngày 23/3/2023 của HĐND tỉnh quyết định tỷ lệ số lượng dự án đầu tư xây dựng thực hiện theo cơ chế đặc thù thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2021-2025	2113/UBND-TH ngày 10/4/2023
16	Ban hành bổ sung danh mục loại dự án đầu tư xây dựng được áp dụng cơ chế đặc thù thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2021-2025	2242/QĐ-UBND ngày 20/6/2023
17	Ban hành Quy định một số nội dung và mức chi kinh phí sự nghiệp từ ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững tỉnh Bình Định, giai đoạn 2021 - 2025	35/2023/QĐ-UBND ngày 27/7/2023
18	Ban hành “Quy trình bảo trì mẫu đối với các công trình đầu tư xây dựng theo cơ chế đặc thù thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Định”	3340/QĐ-UBND ngày 9/9/2023
19	Ban hành quy định định mức hỗ trợ thực hiện một số dự án hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2021-2025	64/2023/QĐ-UBND ngày 16/10/2023
20	V/v áp dụng định mức kinh tế kỹ thuật trong lĩnh vực nông nghiệp để thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh	7742/UBND-KT 19/10/2023
21	Ủy quyền phê duyệt dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Bình Định	620/QĐ-UBND ngày 23/2/2024
22	Về việc thành lập Ban Chỉ Đạo các chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh Bình Định giai đoạn 2021-2025	1877/QĐ-BCĐCTMTQG ngày 13/06/2022
23	Về việc ban hành Quy chế hoạt động Ban Chỉ Đạo các chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh Bình Định giai đoạn 2021-2025	185/QĐ-BCĐCTMTQG ngày 29/07/2022
24	Về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 185/QĐ-BCĐCTMTQG ngày 29/7/2022 về ban hành Quy chế hoạt động Ban Chỉ Đạo các chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh Bình Định giai đoạn 2021-2025	31/QĐ-BCĐCTMTQG ngày 24/03/2023
25	Phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025	3268/QĐ-UBND ngày 04/08/2021
26	Về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 và kế hoạch năm 2022	2479/QĐ-UBND ngày 09/08/2022
27	Về việc tăng cường triển khai thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh	13/CT-UBND ngày 24/08/2022
28	Về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 và kế hoạch năm 2022	7865617
29	Thông báo ý kiến kết luận của đồng chí Nguyễn Tuấn Thanh, Phó Chủ tịch Thường trực UBND tỉnh, Trưởng ban Ban Chỉ đạo các chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh giai đoạn 2021 - 2025 tại cuộc họp nghe báo cáo tiến độ triển khai thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia thời gian qua và nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm thời gian tới	+R[-27]C[3]/R[-1]C*100
30	V/v phân bổ và giao kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước năm 2023	4279/QĐ-UBND ngày 19/12/2022
31	Văn bản về đẩy mạnh triển khai các chương trình mục tiêu quốc gia.	792/UBND-TH ngày 20/02/2023

STT	Tên loại văn bản	Số ký hiệu
1	2	3
32	Kết luận của đồng chí Nguyễn Tuấn Thanh, Phó Chủ tịch Thường trực UBND tỉnh, Trưởng ban Ban Chỉ đạo các chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh giai đoạn 2021 – 2025 tại cuộc họp nghe báo cáo tiến độ triển khai thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia thời gian qua và nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm thời gian tới	54/TB-UBND ngày 28/02/2023
33	V/v triển khai một số ý kiến chỉ đạo của Bí thư Tỉnh ủy tại buổi làm việc với BTV huyện ủy An Lão	1747/UBND-KT ngày 08/03/2023
34	V/v triển khai thực hiện Công điện số 71/CĐ-TTg ngày 23/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp tục triển khai thực hiện quyết liệt, hiệu quả các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-202	1263/UBND-TH ngày 09/03/2023
35	Về việc kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công nguồn vốn ngân sách địa phương năm 2022 sang năm 2023	957/QĐ-UBND ngày 30/03/2023
36	Về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và năm 2023	958/QĐ-UBND ngày 30/03/2023
37	Đẩy mạnh tiến độ giải ngân vốn kéo dài năm 2022 sang năm 2023	1948/UBND-TH ngày 05/04/2023
38	Thành lập các Tổ công tác kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia tại các địa phương	1062/QĐ-UBND ngày 06/04/2023
39	Văn bản về đẩy mạnh thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh.	2105/UBND-TH ngày 10/04/2023
40	Chỉ thị về đẩy mạnh giải ngân kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước do tỉnh quản lý năm 2023 (trong đó có các CTMTQG)	04/CT-UBND ngày 10/4/2023
41	Về việc ban hành Chương trình công tác trọng tâm năm 2023 của Ban Chỉ đạo các chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh Bình Định giai đoạn 2021 - 2025	42/QĐ-BCĐCTMTQG ngày 11/04/2023
42	Ban hành Kế hoạch giám sát, đánh giá năm 2023 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2021 - 2025	1137/QĐ-UBND ngày 11/04/2023
43	Văn bản về đẩy mạnh giải ngân nguồn vốn các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2022 kéo dài và năm 2023 trên địa bàn tỉnh	2524/UBND-TH ngày 24/04/2023
44	Ý kiến kết luận của đồng chí Nguyễn Tuấn Thanh, Phó Chủ tịch Thường trực UBND tỉnh, Trưởng ban Ban Chỉ đạo các chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh giai đoạn 2021 – 2025 tại cuộc họp nghe báo cáo tiến độ triển khai thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia thời gian qua và nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm thời gian tới	211/TB-UBND ngày 16/6/2023
45	V/v giải pháp đẩy mạnh giải ngân kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách trung ương năm	4160/UBND-VX ngày 21/6/2023
46	Ý kiến kết luận của đồng chí Phạm Anh Tuấn - Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch UBND tỉnh tại cuộc họp nghe báo cáo tiến độ giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023	234/TB-UBND ngày 04/07/2023
47	V/v đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công những tháng cuối năm 2023	6325/UBND-VX ngày 31/8/2023
48	V/v rà soát, đẩy nhanh tiến độ giải ngân các nguồn vốn thuộc các Chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh	6788/UBND-TH ngày 18/9/2023
49	Ý kiến kết luận của đồng chí Nguyễn Tuấn Thanh, Phó Chủ tịch Thường trực UBND tỉnh, Trưởng ban Ban Chỉ đạo các chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh giai đoạn 2021 – 2025 tại cuộc họp nghe báo cáo tiến độ thực hiện, giải ngân các Chương trình MTQG 09 tháng và nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm quý IV năm 2023	366/TB-UBND ngày 30/9/2023
50	Kết luận của Phó Chủ tịch Thường trực UBND tỉnh Nguyễn Tuấn Thanh tại cuộc họp nghe báo cáo tiến độ giải ngân các nguồn vốn thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia	462/TB-UBND ngày 22/11/2023
51	V/v đẩy mạnh thực hiện và giao tiến độ giải ngân nguồn vốn các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2024 trên địa bàn tỉnh	505/UBND-TH ngày 19/1/2024

STT	Tên loại văn bản	Số ký hiệu
1	2	3
52	Ý kiến kết luận của đồng chí Nguyễn Tuấn Thanh, Phó Chủ tịch Thường trực UBND tỉnh, Trưởng ban Ban Chỉ đạo các chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh giai đoạn 2021 – 2025 tại cuộc họp nghe báo cáo tiến độ triển khai thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh 03 tháng đầu năm 2024 và nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm thời gian tới	462/TB-UBND ngày 27/3/2024
B	VĂN BẢN QUY ĐỊNH RIÊNG CHO TỪNG CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA	
I	CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI	
1	Ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ nguồn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của địa phương thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Bình Định giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025	37/2022/QĐ-UBND ngày 25/7/2022
2	Quy định nội dung và mức chi hỗ trợ khuyến khích người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số tham gia học xóa mù chữ thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025	17/2023/QĐ-UBND ngày 24/4/2023
3	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định Nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ nguồn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Bình Định giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 ban hành kèm theo Quyết định số 37/2022/QĐ-UBND ngày 25 tháng 7 năm 2022 của UBND tỉnh	60/2023/QĐ-UBND ngày 28/9/2023
4	Ban hành một số quy định triển khai thực hiện đối với Tiểu dự án 4, Dự án 5 đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ các cấp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2023-2025, giai đoạn I: từ năm 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Định	4211/QĐ-UBND ngày 14/11/2023
5	Thành lập Tổ giúp việc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Bình Định giai đoạn 2021 - 2025	186/QĐ-BCĐCTMTQG ngày 02/8/2022
6	Về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Bình Định giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025	2434/QĐ-UBND ngày 04/08/2022
7	Ban hành Kế hoạch kiểm tra, giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Bình Định giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025	119/KH-UBND ngày 26/8/2022
8	Về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Nội dung số 3 thuộc Tiểu Dự án 2 của Dự án 3: Thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Bình Định giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025	3148/QĐ-UBND ngày 28/9/2022
9	Về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Nội dung 1 của Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 10 về Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò lực lượng cốt cán và người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2021 -2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025	3149/QĐ-UBND ngày 28/9/2022
10	Về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Tiểu dự án 2 thuộc Dự án 9: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Bình Định giai đoạn 2021 -2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025	3257/QĐ-UBND ngày 06/10/2022

STT	Tên loại văn bản	Số ký hiệu
1	2	3
11	Ban hành Kế hoạch thực hiện Dự án 7 - Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế- xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025	3302/QĐ-UBND ngày 10/10/2022
12	Ban hành Kế hoạch thực hiện Tiểu dự án 1 –Dự án 6; Dự án 7 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững và Tiểu dự án 1 -Dự án 10 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế -xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Bình Định năm 2022 và giai đoạn 2021-2025	3428/QĐ-UBND ngày 21/10/2022
13	Về việc hướng dẫn triển khai thực hiện Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN tỉnh Bình Định	6161/UBND-TH ngày 24/10/2022
14	Phân bổ vốn ngân sách địa phương đối ứng thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	3494/QĐ-UBND ngày 26/10/2022
15	Ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Dự án 6 “Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch” thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Bình Định, giai đoạn 2021 -2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025	3899/QĐ-UBND ngày 23/11/2022
16	Về việc triển khai thực hiện các dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần thuộc Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021-2025	7146/UBND-TH ngày 25/11/2022
17	Về việc phê duyệt danh sách người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2023 - 2027 theo Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ	4225/QĐ-UBND ngày 15/12/2022
18	Về việc phân bổ chi tiết vốn đầu tư phát triển ngân sách Trung ương và vốn ngân sách tỉnh đối ứng năm 2022 thực hiện Dự án 6 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh	170/QĐ-UBND ngày 16/01/2023
19	Phân bổ kinh phí sự nghiệp ngân sách Trung ương bổ sung mục tiêu thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững năm 2023	632/QĐ-UBND ngày 05/03/2023
20	Phân bổ kinh phí sự nghiệp, vốn đối ứng ngân sách tỉnh thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2023 trên địa bàn tỉnh	671/QĐ-UBND ngày 07/03/2023
21	Về việc điều chỉnh nguồn kinh phí đối ứng ngân sách tỉnh thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế -xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2023 trên địa bàn tỉnh (vốn sự nghiệp)	984/QĐ-UBND ngày 03/04/2023
22	Kế hoạch thực hiện hoạt động Giảm nghèo về thông tin; Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; Kiểm tra, giám sát thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Bình Định năm 2023	78/KH-UBND ngày 19/4/2023
23	Về việc phân bổ kinh phí sự nghiệp thực hiện Tiểu dự án 1 của Dự án 3 và Tiểu dự án 3 của Dự án 10 thuộc Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2023	1143/QĐ-UBND ngày 12/04/2023
24	Kế hoạch thực hiện Nội dung số 01 thuộc Tiểu dự án 2 của Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Bình Định giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025	93/KH-UBND ngày 17/05/2023
25	Về việc phân bổ chi tiết vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương thực hiện Dự án 6 và Tiểu dự án 2 của Dự án 10 thuộc Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS và miền núi năm 2023	2466/QĐ-UBND ngày 06/07/2023

STT	Tên loại văn bản	Số ký hiệu
1	2	3
26	Về việc phân bổ chi tiết dự toán kinh phí Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi thực hiện Nội dung số 3, Tiểu dự án 2 của Dự án 3 đã giao cho Ban Dân tộc tỉnh năm 2023	2470/QĐ-UBND ngày 06/07/2023
27	Về việc phân bổ vốn ngân sách tỉnh đối ứng thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2023	2522/QĐ-UBND ngày 11/7/2023
28	Ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án “Nâng cao năng lực cho đội ngũ báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật thực hiện phổ biến, giáo dục pháp luật tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2024 - 2030” trên địa bàn tỉnh Bình Định	2049/QĐ-UBND ngày 10/6/2024
II	CHƯƠNG TRÌNH MTQG GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG	
1	Ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2021 - 2025	40/2022/QĐ-UBND ngày 03/8/2022
2	Ban hành Quy định một số nội dung và mức chi kinh phí sự nghiệp từ ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững tỉnh Bình Định, giai đoạn 2021 - 2025	35/2023/QĐ-UBND ngày 27/7/2023
3	Sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại khoản 3 Điều 9 của Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2021 - 2025 ban hành kèm theo Nghị quyết số 15/2022/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh	36/2023/QĐ-UBND ngày 27/7/2023
4	Thành lập Tổ công tác giúp việc Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh Bình Định giai đoạn 2021-2025 (Lĩnh vực giảm nghèo bền vững)	1971/QĐ-UBND ngày 21/6/2022
5	Ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2021-2025	2410/QĐ-UBND ngày 03/8/2022
6	Rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình năm 2022 theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022 - 2025 trên địa bàn tỉnh	115/KH-UBND ngày 12/8/2022
7	Ban hành Kế hoạch giám sát, đánh giá năm 2022 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2021-2025	2654/QĐ-UBND ngày 18/8/2022
8	Ban hành Kế hoạch Truyền thông về Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2021-2025	2655/QĐ-UBND ngày 18/8/2022
9	Triển khai công tác phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững (Dự án 4) thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Bình Định năm 2022	134/KH-UBND ngày 03/10/2022
10	Kế hoạch triển khai công tác phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững (Dự án 4) thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Bình Định năm 2022	134/KH-UBND ngày 13/10/2022
11	Ban hành Kế hoạch thực hiện nội dung “Cải thiện dinh dưỡng” thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2021-2025	3327/QĐ-UBND ngày 13/10/2022
12	V/v áp dụng định mức kinh tế kỹ thuật và mức hỗ trợ thực hiện dự án hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững và Phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN	6162/UBND-TH ngày 24/10/2022
13	Về việc phê duyệt Đề án hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn huyện An Lão thuộc Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025	4024/QĐ-UBND ngày 02/12/2022

STT	Tên loại văn bản	Số ký hiệu
1	2	3
14	Phê duyệt kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2022 theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022 - 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Định	41/QĐ-UBND ngày 06/01/2023
15	Về việc phân bổ kinh phí ngân sách Trung ương bổ sung mục tiêu thực hiện Tiểu dự án 1, Dự án 3 và Tiểu dự án 2, Dự án 7 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2023 trên địa bàn tỉnh	842/QĐ-UBND ngày 21/03/2023
16	V/v phân bổ kinh phí ngân sách tỉnh đối ứng thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2023 trên địa bàn tỉnh (vốn sự nghiệp)	881/QĐ-UBND ngày 23/03/2023
17	Về việc phân bổ kinh phí ngân sách tỉnh đối ứng thực hiện Tiểu dự án 1, Dự án 3 và Tiểu dự án 2, Dự án 7 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2023 trên địa bàn tỉnh	1079/QĐ-UBND ngày 7/04/2023
18	Kế hoạch thực hiện Quyết định số 880/QĐ-TTg ngày 22/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt một số nội dung hỗ trợ 22 huyện nghèo thuộc 17 tỉnh thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn giai đoạn 2022 - 2025 đối với huyện An Lão, tỉnh Bình Định	74/KH-UBND ngày 13/4/2023
19	Phân bổ chi tiết vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương thực hiện Tiểu dự án 2, Dự án 1 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2023	1525/QĐ-UBND ngày 05/05/2023
II	CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI	
1	Quy định chính sách hỗ trợ xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2021-2025	Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022
2	Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Bình Định, giai đoạn 2021-2025	Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022
3	Chương trình thực hiện Chương trình thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Bình Định, giai đoạn 2021-2025	Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 20/7/2022
4	Quy định mức hỗ trợ một số nội dung chi theo quy định tại Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Bình Định, giai đoạn 2021-2025	Nghị quyết số 29/2022/NQ-HĐND ngày 12/10/2022
5	Ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ nguồn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Bình Định, giai đoạn 2021 - 2025	Quyết định số 48/2022/QĐ-UBND ngày 8/8/2022
6	Ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới và xã nông thôn mới nâng cao trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2021 - 2025.	Quyết định số 2224/QĐ-UBND ngày 16/7/2022
7	Ban hành Quy định chính sách hỗ trợ xã xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2021-2025	Quyết định số 46/2022/QĐ-UBND ngày 8/8/2022
8	Ban hành Quy định mức hỗ trợ một số nội dung chi theo quy định tại Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Bình Định, giai đoạn 2021-2025	Quyết định số 90/2022/QĐ-UBND ngày 28/12/2022
9	Ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2021-2025	Quyết định số 2190/QĐ-UBND ngày 16/6/2023
10	Ban hành Bộ tiêu chí nông thôn mới cấp thôn (làng) trên địa bàn các xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Bình Định, giai đoạn 2021-2025	Quyết định số 2197/QĐ-UBND ngày 16/6/2023
11	Phân bổ nguồn kinh phí ngân sách tỉnh năm 2022 hỗ trợ thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh	Quyết định số 646/QĐ-UBND ngày 2/3/2022

STT	Tên loại văn bản	Số ký hiệu
1	2	3
12	Ban hành Kế hoạch triển khai nhiệm vụ Tăng cường năng lực cho thanh niên phục vụ công tác xây dựng nông thôn mới, bảo vệ môi trường giai đoạn 2022-2030 trên địa bàn tỉnh	Quyết định số 1372/QĐ-UBND ngày 27/4/2022
13	Phân bổ nguồn kinh phí ngân sách tỉnh năm 2022 hỗ trợ thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh	Quyết định số 1520/QĐ-UBND ngày 14/5/2022
14	Phê duyệt Kế hoạch các xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao trong năm 2022 trên địa bàn tỉnh.	Quyết định số 2012/QĐ-UBND ngày 24/6/2022
15	Hỗ trợ kinh phí từ nguồn ngân sách tỉnh cho xã Canh Hiền, huyện Văn Canh thực hiện đạt chuẩn nông thôn mới năm 2022	Quyết định số 2124/QĐ-UBND ngày 7/7/2022
16	Ban hành Kế hoạch tổ chức thực hiện Phong trào thi đua Tỉnh Bình Định chung sức xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025	Quyết định số 2164/QĐ-UBND ngày 11/7/2022
17	Ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Bình Định, giai đoạn 2021-2025	Quyết định số 2468/QĐ-UBND ngày 9/8/2022
18	Ban hành Kế hoạch truyền thông phục vụ Chương trình MTQG xây dựng NTM giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Định	Quyết định số 2990/QĐ-UBND ngày 15/9/2022
19	Phê duyệt Văn phòng điều phối Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Bình Định, giai đoạn 2021-2025	Quyết định số 3200/QĐ-CTUBND ngày 3/10/2022
20	Phê duyệt phân bổ chi tiết vốn sự nghiệp ngân sách Trung ương năm 2022 hỗ trợ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh	Quyết định số 3202/QĐ-UBND ngày 3/10/2022
21	Phân bổ chi tiết nguồn kinh phí sự nghiệp vốn ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2022	Quyết định số 3361/QĐ-UBND ngày 14/10/2022
22	Kế hoạch tập huấn, bồi dưỡng cán bộ làm công tác XDNTM các cấp giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh	Kế hoạch số 4421/QĐ-UBND ngày 26/12/2022
23	Phê duyệt phân bổ chi tiết kinh phí vốn đối ứng ngân sách tỉnh thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2023	Quyết định số 737/QĐ-UBND ngày 13/3/2023
24	Về việc phân khai chi tiết nguồn vốn sự nghiệp ngân sách Trung ương hỗ trợ Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2023 theo các nội dung thành phần	Quyết định số 1949/QĐ-UBND ngày 2/6/2023
25	Kế hoạch Phát triển sản phẩm OCOP tỉnh Bình Định giai đoạn 2023-2025 thuộc Chương trình mỗi xã một sản phẩm	Kế hoạch số 116/KH-UBND ngày 16/6/2023
26	Ban hành Bộ tiêu chí huyện nông thôn mới và huyện nông thôn mới nâng cao trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2021 - 2025	Quyết định số 3057/QĐ-UBND ngày 17/8/2023
27	Sửa đổi TC số 7 tại Phụ lục I, Phụ lục II Quyết định số 2224/QĐ-UBND ngày 16/7/2022 của UBND tỉnh ban hành Bộ tiêu chí xã NTM và xã NTM nâng cao trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025	Quyết định số 2304/QĐ-UBND ngày 26/6/2023
28	Ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận, công bố và thu hồi quyết định công nhận thôn (làng) đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn các xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Bình Định, giai đoạn 2021 – 2025	Quyết định số 3624/QĐ-UBND ngày 2/10/2023
29	Kế hoạch thực hiện xã đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu năm 2024	Kế hoạch số 32/KH-UBND ngày 23/02/2024
30	Quyết định phê duyệt điều chỉnh, bổ sung danh sách xã xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Bình Định	Quyết định số 487/QĐ-UBND ngày 06/02/2024
31	Quyết định phê duyệt phân rã chi tiết vốn sự nghiệp ngân sách trung ương thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2024.	Quyết định số 692/QĐ-UBND ngày 4/3/2024
32	Quyết định phân bổ chi tiết vốn sự nghiệp ngân sách trung ương và vốn đối ứng ngân sách tỉnh thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2024	Quyết định số 938/QĐ-UBND ngày 21/3/2024

STT	Tên loại văn bản	Số ký hiệu
1	2	3
33	Kế hoạch điều chỉnh, bổ sung thực hiện xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2024 trên địa bàn tỉnh.	Kế hoạch số 71/KH-UBND ngày 01/4/2024
34	Quyết định về việc sửa đổi một số tiêu chí, chỉ tiêu của Bộ tiêu chí xã nông thôn mới, Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao, Bộ tiêu chí huyện nông thôn mới và Bộ tiêu chí huyện nông thôn mới nâng cao tỉnh Bình Định, giai đoạn 2021-2025.	Quyết định số 1249/QĐ-UBND ngày 9/4/2024
35	Quyết định phê duyệt phân bổ chi tiết vốn đầu tư ngân sách Trung ương năm 2024 của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể	Quyết định số 1662/QĐ-UBND ngày 13/5/2024
36	Quyết định về việc phân khai chi tiết nguồn kinh phí sự nghiệp ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2024 theo các nội dung thành phần	Quyết định số 692/QĐ-UBND ngày 4/3/2024
37	Quyết định phân bổ và giao kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước năm 2024	Quyết định số 4565/QĐ-UBND ngày 8/12/2023
38	Quyết định phê duyệt phân bổ chi tiết vốn sự nghiệp ngân sách Trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2024 trên địa bàn tỉnh	Quyết định số 4547/QĐ-UBND ngày 7/12/2023
39	Quyết định về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2024	Quyết định số 989/QĐ-UBND ngày 27/3/2024
40	Quyết định về việc phân bổ kinh phí ngân sách tỉnh hỗ trợ các xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao và kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh năm 2024	Quyết định số 2117/QĐ-UBND ngày 17/6/2024

Phụ lục 07
DANH MỤC ĐỀ NGHỊ BỔ TRÍ KẾ HOẠCH VỐN ODA NĂM 2025
 (Kèm theo Văn bản số /UBND-VX ngày /7/2024 của UBND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Số quyết định	Quyết định đầu tư										Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025										Lấy kế vốn đầu tư công đã bố trí các năm 2021-2024										Nhu cầu kế hoạch vốn năm 2025										Ghi chú										
			TMDT																																																		
			Trong đó:																																																		
			Vốn đối ứng			Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)																																															
			Tổng số	Trong đó: vốn ngân sách tỉnh	Tinh bằng nguyên tệ	Quy đổi ra tiền Việt							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn đối ứng			Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn đối ứng			Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn đối ứng			Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)														
						Tổng số	Đưa vào cân đối NSTW	Trong đó:		Vay lại	Tổng số	Trong đó: vốn ngân sách tỉnh		Tổng số	Đưa vào cân đối NSTW	Vay lại	Tổng số	Trong đó: vốn ngân sách tỉnh	Tổng số	Đưa vào cân đối NSTW	Vay lại	Tổng số	Trong đó: vốn ngân sách tỉnh		Tổng số	Đưa vào cân đối NSTW	Vay lại	Tổng số	Trong đó: vốn ngân sách tỉnh	Tổng số	Đưa vào cân đối NSTW	Vay lại																					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35																			
TỔNG SỐ																																																					
1	Dự án Xây dựng cơ sở hạ tầng thích ứng biến đổi khí hậu cho đồng bào dân tộc thiểu số (CRIEM)	5331/QĐ-UBND, 29/12/2020	909.049	218.583	218.583	30,0 triệu USD	690.466	356.804	333.662	23.142	333.662	876.552	218.583	218.583	657.969	324.307	333.662	565.866	87.500	87.500	478.366	239.183	239.183	0	239.183	187.248	25.000	25.000	162.248	85.124	77.124	8.000	77.124																				
2	Cung cấp trang thiết bị y tế cho Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn	3729/QĐ-UBND, 10/10/2017; 795/QĐ-UBND, 14/3/2018; 921/QĐ-UBND, 18/3/2020; 2286/QĐ-UBND, 10/6/2020; 3455/QĐ-UBND, 21/8/2020; 1326/QĐ-UBND, 24/4/2023	81.360	11.589	11.589	3 triệu USD	69.771	69.771	69.771	0	0	81.360	11.589	11.589	69.771	69.771	0	7.027	2.027	2.027	5.000	5.000	5.000	0	0	74.333	9.562	9.562	64.771	64.771	64.771	0	0																				
3	Làng Hòa Bình Việt Nam - Hàn Quốc (KVPVP) tại tỉnh Bình Định	3252/QĐ-UBND, 31/8/2023; 3615/QĐ-UBND, 29/9/2023	97.720	9.712	9.712	3,79 triệu USD	88.008	88.008	0	88.008	0	81.712	9.712	9.712	72.000	72.000	0	18.390	2.190	2.190	16.200	16.200	0	16.200	0	23.400	3.000	3.000	20.400	20.400	0	20.400	0																				
4	Dự án Phát triển tích hợp thích ứng - tỉnh Bình Định	3617/QĐ-UBND, 04/11/2022	2.660.000	1.080.000	1.080.000	68,4 triệu USD	1.580.000	790.000	790.000	0	790.000	2.363.000	833.000	833.000	1.530.000	740.000	790.000	106.562	106.562	106.562	0	0	0	0	0	380.000	80.000	80.000	300.000	150.000	150.000	0	150.000																				

Phụ lục 03
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN, GIẢI NGÂN VỐN ODA NĂM 2024
 (Kèm theo Công văn số /UBND-VX ngày /7/2024 của UBND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Nhà tài trợ	Quyết định đầu tư								Kế hoạch vốn năm 2024						Giải ngân vốn ODA năm 2024			Ghi chú	
			Số quyết định	TMĐT							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:					Đến 30/6/2024	Dự kiến đến 30/9/2024	Dự kiến đến 31/01/2025		
				Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)						Tổng số	Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)						
				Tổng số	Trong đó: vốn ngân sách tỉnh	Tính bằng nguyên tệ	Quy đổi ra tiền Việt			Tổng số			Trong đó: vốn ngân sách tỉnh	Trong đó:							
							Tổng số	Đưa vào cân đối NSTW	Vay lại					Tổng số	Đưa vào cân đối NSTW	Vay lại					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	
	TỔNG SỐ										545.609	81.759	79.159	463.850	184.850	279.000	108.663	136.449	184.850		
1	Dự án Môi trường bền vững các thành phố Duyên hải - Tiêu dự án TP Quy Nhơn	WB	4521/QĐ-UBND, 09/12/2016; 979/QĐ-UBND, 27/3/2018; 3205/QĐ-UBND, 03/10/2022; 974/QĐ-UBND, 31/3/2023	741.995	58.465	58.465	30,617 triệu USD	683.530	430.475	253.055	36.402	8.600	6.000	27.802	17.150	10.652	10.930	16.449	17.150		
2	Dự án Xây dựng cơ sở hạ tầng thích ứng biến đổi khí hậu cho đồng bào dân tộc thiểu số (CRIEM)	ADB	5331/QĐ-UBND, 29/12/2020	909.049	218.583	218.583	29,0 triệu USD	667.324	333.662	333.662	325.400	30.000	30.000	295.400	147.700	147.700	91.424	110.000	147.700		
3	Cung cấp trang thiết bị y tế cho Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn	KEXIM	3729/QĐ-UBND, 10/10/2017; 795/QĐ-UBND, 14/3/2018; 921/QĐ-UBND, 18/3/2020; 2286/QĐ-UBND, 10/6/2020; 3455/QĐ-UBND, 21/8/2020; 1326/QĐ-UBND, 24/4/2023	81.360	11.589	11.589	3 triệu USD	69.771	69.771	0	6.159	1.159	1.159	5.000	5.000	0	0	0	5.000		
4	Làng Hòa Bình Việt Nam – Hàn Quốc (KVPVP) tại tỉnh Bình Định	WB	3252/QĐ-UBND, 31/8/2023; 3615/QĐ-UBND, 29/9/2023	97.720	9.712	9.712	3,79 triệu USD	88.008	88.008	0	17.000	2.000	2.000	15.000	15.000	0	6.309	10.000	15.000		
5	Dự án Phát triển tích hợp thích ứng - tỉnh Bình Định	WB	2265/QĐ-TTg ngày 31/12/2021	2.660.000	1.080.000	1.080.000	68,4 triệu USD	1.580.000	790.000	790.000	160.648	40.000	40.000	120.648		120.648	0	0			